



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

MÃ CHỨNG KHOÁN: NKG



Quét mã QR để biết thêm thông tin.



TÔN

NAM KIM

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty	6
Thông tin liên hệ	6
Triết lý kinh doanh, định hướng phát triển	7
◆ Tâm nhìn	7
◆ Mục tiêu chủ yếu	7
◆ Giá trị cốt lõi	8
Thông điệp của chủ tịch	9
Hội đồng quản trị	
Thông điệp của Tổng Giám đốc	11



GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

Quá trình hình thành và phát triển	15
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2021	17
Thành tựu và giải thưởng	19
Mô hình quản trị	21
Cơ cấu tổ chức	23
Hội đồng quản trị	25
Ban Tổng Giám đốc	26
Ban kiểm soát	27
Dây chuyền sản xuất	29
Sản phẩm dịch vụ	35
Thị trường và hệ thống phân phối	49



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2021

VI mô 2021	53
Ngành thép 2021	55
Tôn Nam Kim 2021	57
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	60



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng quản trị	67
Hoạt động của Hội đồng quản trị	69
Báo cáo của Ban kiểm soát	70
Quản trị rủi ro	73
Cổ phiếu NKG	77



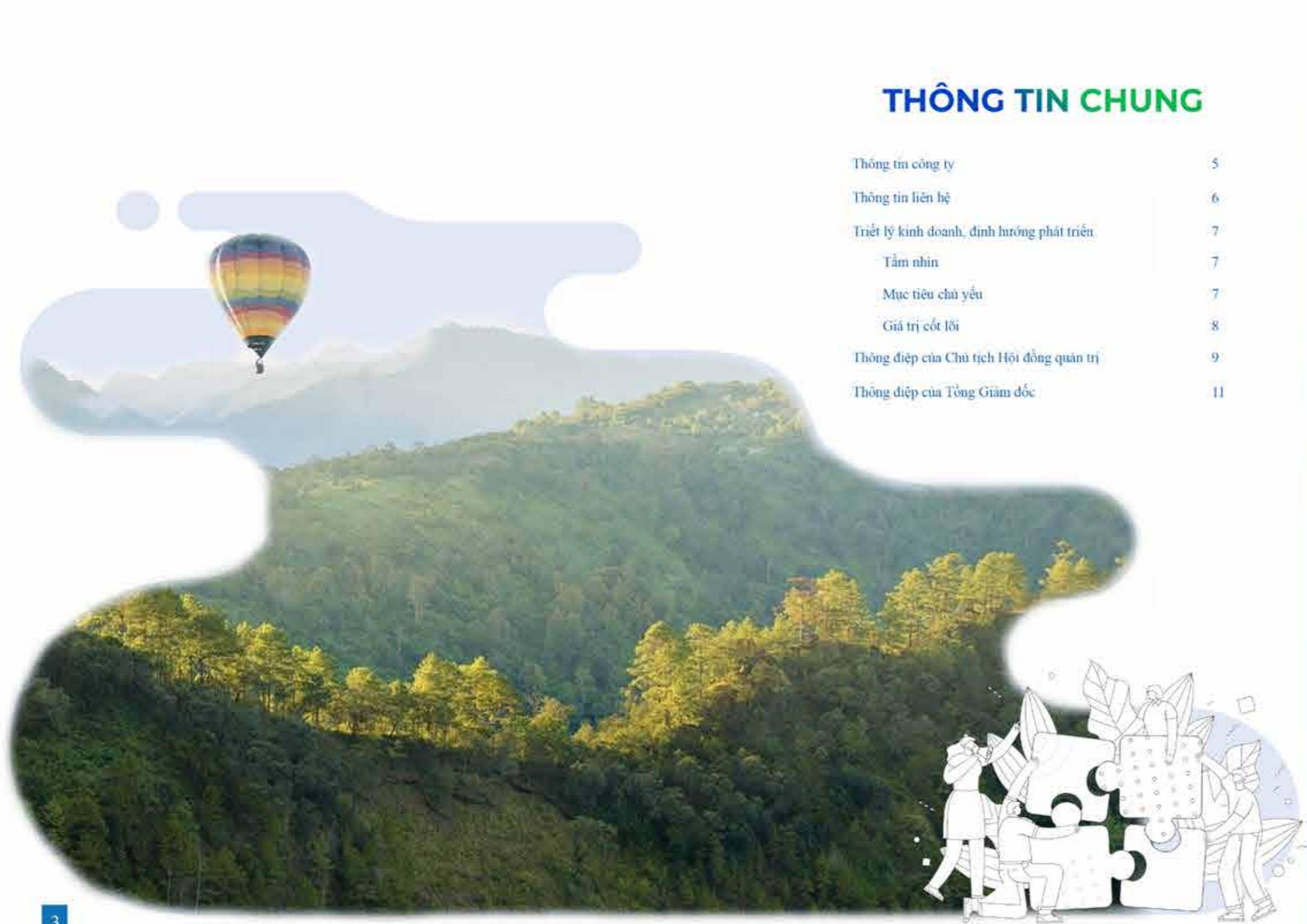
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững	81
Tối ưu hiệu quả kinh tế	82
Cộng cố, phát triển nguồn nhân lực	84
Bảo vệ môi trường thiên nhiên	87
Đồng hành với cộng đồng, xã hội	88



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	
Báo cáo kiểm toán độc lập	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty	5
Thông tin liên hệ	6
Triết lý kinh doanh, định hướng phát triển	7
Tâm nhìn	7
Mục tiêu chủ yếu	7
Giá trị cốt lõi	8
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	9
Thông điệp của Tổng Giám đốc	11



TỎA SÁNG TỪ NỘI LỰC -
THỬ THÁCH THÀNH CƠ HỘI VƯƠN LÊN



Tư duy chất lượng cuộc sống vững bền

“Cải tiến chất lượng không ngừng” là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Tên tiếng Anh: NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: NAKISCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700477019

Vốn điều lệ: 2.193.985.680.000 VND

Mã cổ phiếu: NKG

THÔNG TIN LIÊN LẠC

Địa chỉ: Lô A1, Đường D2, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú,
Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Số điện thoại: +84 27 43 748 848

Số fax: +84 27 43 748 868

Website: www.tonnamkim.com





TRIẾT LÝ KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TÂM NHÌN

Sản phẩm mang thương hiệu Tôn Nam Kim được khách hàng trong nước và quốc tế nhìn nhận ở phân khúc chất lượng cao.



MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cũng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Tôn Nam Kim sẽ không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong 3 đơn vị đầu ngành về thi phân tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

VĂN HÓA HỌC HỎI, CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Tinh thần cải tiến chất lượng không ngừng được nhất quán xuyên suốt trong tất cả các mặt hoạt động, trở thành một nét văn hóa trong tất cả các bộ phận, tất cả các cấp trong doanh nghiệp. Tôn Nam Kim đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị khoa học, xây dựng các chương trình đào tạo nguồn lực con người nhằm giữ vững và phát huy giá trị cốt lõi.



VĂN HÓA HỌC HỎI

Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất – nâng tầm cho Cán bộ công nhân viên, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa CBCNV và Công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý... người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn

cho lớp trẻ để luôn tạo thành lớp nhân sự nguồn kế thừa và đưa CBCNV đến học hỏi tại các Tập đoàn, Công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Việc là thành viên của Hiệp hội thép Việt Nam cũng tạo cơ hội cho CBCNV giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước.



CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Mỗi thành viên của Tôn Nam Kim đều là người tiên phong trong lĩnh vực trách nhiệm của mình và sáng tạo mỗi ngày để tìm tòi ý tưởng mới và tạo điều kiện áp dụng vào thực tế, nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc. Tất cả con người Tôn Nam Kim đều luôn nỗ lực không ngừng bám sát các quy chuẩn, quy trình trong sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.

hướng và sáng tạo nên những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, thẩm mỹ cao, chất lượng dịch vụ bán hàng và hậu mãi tốt. Tiên phong đầu tư công nghệ máy móc hiện tại, sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tập đoàn hàng đầu thế giới, luôn lắng nghe nhu cầu và xu thế khách hàng và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG, KHÁCH HÀNG, CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN VÀ ĐỐI TÁC!

Lời đầu tiên cho phép tôi xin được thay mặt Hội đồng quản trị của Tôn Nam Kim, xin tri ân đến những y bác sĩ và lực lượng chống dịch đã giúp đất nước vượt qua đại dịch Covid-19 lần thứ tư. Chúng tôi hiểu rằng trong một năm hết sức khó khăn vì dịch bệnh, sự thành công của doanh nghiệp không thể thiếu được công lao những đóng góp của lực lượng chống dịch đã hy sinh lợi ích bản thân vì đất nước.

Ở khía cạnh doanh nghiệp, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi rất vui mừng và tự hào chia sẻ với Quý vị về một năm 2021 thành công dù gặp những thách thức từ dịch bệnh, thị trường, chuỗi cung ứng. Nhưng với sự chỉ đạo kịp thời từ HĐQT và Ban lãnh đạo, Tôn Nam Kim nhanh chóng nắm bắt thời cơ từ thị trường xuất khẩu, cùng có thị trường nội địa, qua đó đạt được những kết quả thành công ngoài mong đợi.

Kết quả đạt được năm 2021 đã thể hiện năng lực nội tại vững vàng của doanh nghiệp, tiềm lực được củng cố và là tiền đề cho bước phát triển bền vững giai đoạn tiếp theo. Năm 2022 và chặng đường phía trước với nhiều thách thức, nhưng tôi tin rằng với định hướng chiến lược và năng lực quản trị điều hành hiện tại, doanh nghiệp sẽ tiếp tục kỳ nguyện phát triển mới vững vàng, bền vững hơn, đem lại những giá trị cao hơn cho nhà đầu tư cũng như đóng góp nhiều hơn nữa cho cộng đồng và sự phồn thịnh của đất nước.

Tôi xin chân thành cảm ơn và mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự tin yêu, ủng hộ của Quý vị trong tương lai.

Trân trọng,

HỒ MINH QUANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý cổ đống, Khách hàng, Hội đống quan trị và toàn thể CBCNV,

Trong năm 2021, định hướng xuyên suốt của doanh nghiệp là “Củng cố năng lực nội tại” trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến hết sức phức tạp, chuỗi cung ứng liên tục bị đứt gãy. Tuy nhiên, chúng tôi luôn tin rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào đều xuất hiện cơ hội, và phải linh hoạt thích ứng, chuyển đổi thật nhanh chóng với mọi hoàn cảnh để biến cơ hội thành lợi thế, tạo tiền đề cho bước phát triển xa hơn. Trong đại hội thường niên lần này, chúng tôi có thể tự hào rằng, năm 2021 là năm ghi nhận những kết quả cao nhất từ khi thành lập, chứng minh nỗ lực không mệt mỏi của HĐQT, Ban Điều Hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Tôn Nam Kim trong những năm qua.

Năm cột mốc của Tôn Nam Kim càng đặc biệt hơn khi đây là năm Việt Nam phải đối mặt với đợt bùng phát dữ dội lần thứ 4 của đại dịch Covid-19. Doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 28.206 tỷ VND, trong đó doanh thu nội địa và xuất khẩu lần lượt đạt 9.005 tỷ VND và 19.200 tỷ VND. Tăng trưởng từ thị trường nội địa và xuất khẩu trong năm 2021 lần lượt đạt 31% và 30.5% so với năm 2020. Sản lượng bán hàng đạt 933.000 tấn tồn mả và 147.000 tấn ống thép. Đồng thời, thị phần ở cả hai mảng đều tăng mạnh. So sánh với năm 2020, thị phần tồn mả tăng thêm 3%, tương ứng với mức 17.4%, đứng thứ nhì toàn thị trường tồn mả.

Xét về phân cơ cấu tài chính, nợ trung dài hạn giảm 90%, từ 482 tỷ VND trong năm 2020 về mức 46,4 tỷ trong năm 2021. Khả năng tận dụng tối đa nguồn vốn đã giúp lượng tiền mặt tích trữ đạt 1.119 tỷ VND, cao nhất từ khi thành lập. Tỷ lệ nợ ròng/EBITDA chỉ còn 1,4x, giảm mạnh so với mức 7,4x trong năm 2019.

Các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận đều cải thiện mạnh mẽ, trong đó, biên lợi nhuận gộp từ và biên lợi nhuận ròng lần lượt đạt mức 15,1%, và 7,9% (so với mức 7,5% và 2,6% trong năm 2020). Nhờ đó mà các chỉ số về tỷ suất sinh lợi, cụ thể là ROA, ROE đã tăng mạnh lên mức lần lượt là 14,5% là 38,9% (so với 3,9% và 9,3% năm 2020).

Để đạt được kết quả trên, không thể không kể đến sự đồng tâm hiệp lực, nỗ lực cống hiến của 1.451 người lao động, từ sự ủng hộ của Quý Cổ đống, Khách hàng và Đối tác. Trong năm 2021, thu nhập trung bình của người lao động đạt gần 18 triệu VND/tháng, tăng hơn 15% so với năm 2020. Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì các chương trình phúc lợi, thu nhập cho toàn bộ người lao động trong thời gian giãn cách, qua đó cam kết lâu bền về phúc lợi và sự tôn trọng của doanh nghiệp đối với người lao động.

Trong năm qua, doanh nghiệp chú trọng xây dựng những chương trình hành động thân thiện với môi trường, chia sẻ với cộng đồng bằng các chương trình thiện nguyện hữu ích, chung tay đóng góp vào sự phát triển địa phương, vùng miền. Cụ thể, doanh nghiệp, cá nhân ban lãnh đạo và người lao động đã tích cực chung tay đóng góp cho các quỹ thiện nguyện hướng đến cộng đồng trong mùa dịch, đóng góp cho quỹ vaccine của tỉnh Bình Dương, tặng xe cứu thương cho một số địa phương.

Năm 2022, đặc biệt trong bối cảnh giá HRC biến động mạnh, chuỗi cung ứng chưa được cải thiện, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động kinh doanh. Do đó, hoạt động điều hành tiếp tục theo nguyên tắc thận trọng, quản trị rủi ro, khai thác tối đa năng lực sản xuất, thích ứng nhanh chóng với những bối cảnh thị trường trong ngắn hạn.

Thay mặt Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đống, Khách hàng và Đối tác đã tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Sự ủng hộ của Quý vị là nguồn động lực vô cùng to lớn giúp Tôn Nam Kim thêm vững vàng để phát triển mạnh mẽ cả về quy mô, hiệu quả kinh doanh, trở thành một trong những doanh nghiệp về thép – tồn mả hàng đầu Việt Nam, vươn tầm khu vực.

Trân trọng,

VÕ HOÀNG VŨ
Tổng giám đốc





GIỚI THIỆU

Quá trình hình thành và phát triển	15
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2021	17
Thành tựu và giải thưởng	19
Thông tin về mô hình quản trị	21
Cơ cấu tổ chức	23
Hội đồng quản trị	25
Ban Tổng Giám đốc	27
Ban kiểm soát	28
Dây chuyền sản xuất	29
Sản phẩm dịch vụ	35
Thị trường và hệ thống phân phối	49

TỰ DUY CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VỮNG BỀN



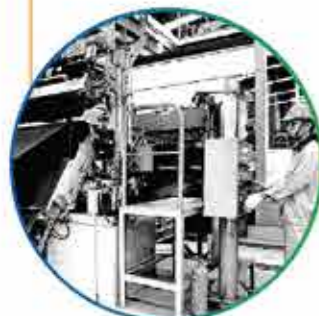


LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

2002

THÀNH LẬP

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam.



2011

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Thép Nam Kim niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG.



2014

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Khởi công nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2018

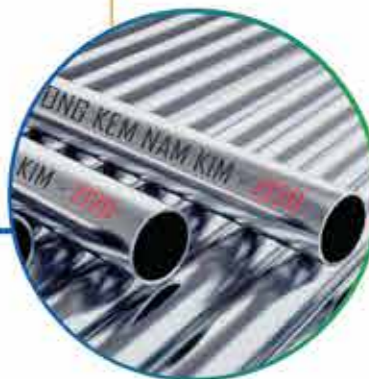
TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Công suất mạ 1.000.000 tấn/năm.
Công suất tẩy cán 900.000 tấn/năm.
Công suất ống kẽm 200.000 tấn/năm.



2021

Khởi công xây dựng kho hàng tập trung và Nhà máy ống tại KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương. Chúng tay nỗ lực tích cực phòng chống đại dịch, chăm lo đời sống CBCNV. Vừa chống dịch vừa đảm bảo sản xuất chất lượng và an toàn. Công ty tiếp tục định hướng chiến lược CÙNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI trong giai đoạn 2020 – 2022, hướng đến phát triển bền vững.



2010

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2012

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động nâng tổng công suất Thép Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.



2015

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỒNG LONG AN

Khởi công Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.



2016

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động, tổng công suất của Công ty đạt 650.000 tấn/năm.



2020

TẢI CẦU TRÚC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Thép Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng.

Ứng dụng hệ thống ERP SAP HANA 4/S

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM (VỊ TRÍ 117)



Năm 2021, Tôn Nam Kim tiếp tục được xếp hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (hạng 117). Đánh dấu 12 năm liên tiếp Công ty có tên trong bảng xếp hạng này.

Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – do Vietnam Report phối hợp cùng Báo điện tử Vietnamnet bình chọn, nhằm tôn vinh những doanh nghiệp đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động kinh doanh.



R&D THÀNH CÔNG SẢN PHẨM TÔN MẠ LẠNH CÓ ĐỘ MẠ CAO

Sản phẩm tôn mạ lạnh AZ250 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 50 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao.

TOP 2 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VLXD UY TÍN CỦA VIỆT NAM

Ngày 18/8/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1974/QĐ-BCT, công bố Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín”. Trong đó, Tôn Nam Kim vinh dự đứng thứ hai trong nhóm ngành vật liệu xây dựng.

Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” là một giải thưởng vinh dự của giới doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động bán hàng quốc tế. Đây là một cuộc sát hạch mang tầm cỡ quốc gia, do Bộ Công Thương tổ chức nhằm vinh danh các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín. Để góp mặt trong danh sách này, doanh nghiệp phải qua nhiều vòng sơ loại từ địa phương tới cấp quốc gia.



ĐẠT GIẤY CHỨNG NHẬN ISO/IEC 17025 CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM, VỚI MÃ SỐ VILAS 1417

Phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417).

Chứng chỉ là sự công nhận phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim có đầy đủ năng lực về kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, có khả năng cung cấp các kết quả thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao. Kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm được thừa nhận rộng rãi toàn cầu trong hệ thống ILAC - Tổ chức Hợp tác Công nhận PTN Quốc tế, như A2LA (Mỹ), SAC-SINGLAS (Singapore), NATA (Úc), v.v... thừa nhận.



KẾT QUẢ KINH DOANH ẤN TƯỢNG NHẤT KÈ TỪ KHI THÀNH LẬP CÔNG TY

Tôn Nam Kim tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu và ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2021 với doanh số và lợi nhuận lần lượt là 28.206 tỷ và 2.225 tỷ, tỷ trọng xuất khẩu chiếm đến hơn 68.64% sản lượng bán hàng – đây là những con số kết quả ấn tượng nhất từ khi thành lập Công ty đến nay.



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

2015

- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015 cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.

- Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietnamNet trao tặng các danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2015 (hạng 174), Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015 (hạng 297).

2016

- UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật lao động (2013-2015) và Đề án phát triển lao động giai đoạn (2014-2015).

- UBND tỉnh Bình Dương tri ân Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã có nhiều hoạt động bảo trợ trẻ em khó khăn năm 2016.

- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 169), Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 61), Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2016.

- UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt chăm lo đời sống người lao động năm 2016.



12 NĂM
LIÊN TIẾP
CÓ MẶT TRONG

TOP
500

DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT
VIỆT NAM

2017

- Danh hiệu Top 100 Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2017 do UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

- Bằng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt việc kê khai và nộp thuế năm 2016 do Cục Hải quan tỉnh Bình Dương trao tặng.

- Giải thưởng Doanh nghiệp tạo điều kiện tốt cho Công Đoàn hoạt động do Liên đoàn Lao động thị xã Thuận An trao tặng.

- Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhịp cầu đầu tư trao tặng.

- Danh hiệu Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính tốt nhất năm 2017 do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Báo Diễn Đàn doanh nghiệp trao tặng.

- Bằng khen đã tham gia tài trợ, góp phần vào sự thành công của Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II – Bình Dương năm 2017 do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc năm 2017, Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017, Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017 (hạng 317), Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (hạng 110).



2018

- Danh hiệu Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

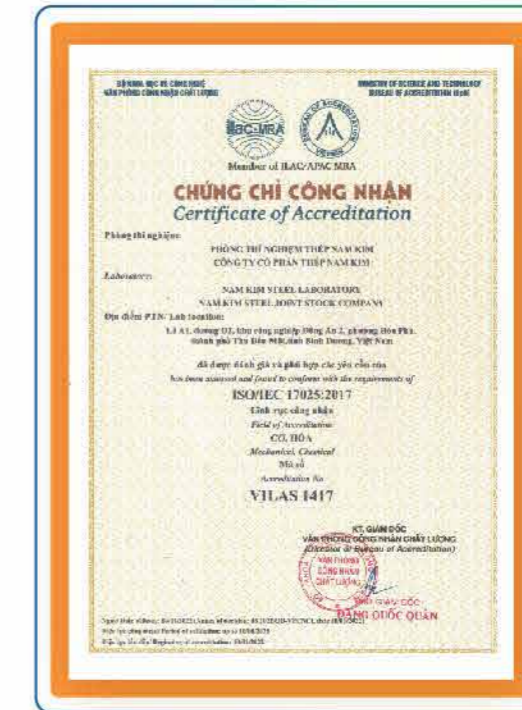
2019

- Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan Bình Dương trao tặng.

2020

- Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.

- Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.



2021

- Top 2 doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam.

- Đạt Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm, với mã số VILAS 1417

- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2021.



DOANH NGHIỆP

XUẤT KHẨU
VẬT LIỆU
XÂY DỰNG

UY TÍN CỦA VIỆT NAM

2021



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





**TRỤ SỞ CHÍNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2**

Diện tích: 10 ha.
 Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.
 Địa chỉ: Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



**CÔNG TY TNHH MTV ÓNG THÉP NAM KIM
NHÀ MÁY ÓNG LONG AN**

Diện tích: 3,2 ha.
 Sản phẩm: Ống thép.
 Địa chỉ: Lô C2-16 đến lô C2-20, đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Diện tích: 6,5 ha.
 Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm.
 Địa chỉ: Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



**CÔNG TY TNHH DAE MYUNG PAPER VIỆT NAM
NHÀ MÁY ÓNG MỸ PHƯỚC**

Diện tích: 5 ha.
 Sản phẩm: Ống thép.
 Địa chỉ: Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hồ Minh Quang
Chủ tịch HĐQT



Ông Võ Hoàng Vũ
Thành viên HĐQT

20 năm kinh nghiệm trong ngành Thép.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Quản trị kinh doanh Ngoại thương

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ông Thép Nam Kim Chu Lai
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dac Myung Paper Việt Nam



Ông Nguyễn Vinh An
Thành viên HĐQT

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành Thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Kỹ sư Kỹ thuật Công Nghiệp

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ông Thép Nam Kim



Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Thành viên HĐQT

16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và quản lý tài chính cho các tổ chức quỹ đầu tư và công ty ngành Thép.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Khối Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC



Ông Võ Thời
Thành viên HĐQT

Nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, lãnh đạo Công ty

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Quản trị kinh doanh

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Phó TGD Công ty TNHH Nam Hàn



Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân
Thành viên HĐQT
(từ nhiệm từ ngày 15/12/2021)

Gần 10 năm kinh nghiệm trong ngành Thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành Công ty đại chúng.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Vinh An
Phó Tổng Giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành Thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Kỹ sư Kỹ thuật Công Nghiệp

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ông Thép Nam Kim



Bà Trần Ngọc Diệu
Phó TGD phụ trách Tài chính

Hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành, lãnh đạo trong ngành Thép phụ trách lĩnh vực kiểm soát và tài chính Công ty.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không



Ông Quảng Trọng Lăng
Phó Tổng Giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành, lãnh đạo sản xuất.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Kỹ sư Cơ khí

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không



Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên
Phó Tổng Giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, am hiểu thị trường và thông lệ quốc tế trong ngành Thép.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Cử nhân Ngoại ngữ

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không



Bà Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

15 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Cử nhân Kế toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không



BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Bích Nhi
Trưởng BKS

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Cử nhân Kế toán kiểm toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không



Bà Võ Thị Vui
Thành viên BKS

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Cử nhân Tài chính kế toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không



Ông Lê Nhật Tân
Thành viên BKS

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

Cử nhân Kế toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

Không





DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

CÔNG SUẤT TẨY GI

900,000 TẤN / NĂM

ĐỘ DÀY THÉP NGUYÊN LIỆU

1.5 mm – 5.0 mm

KHÔ RỘNG

750 mm – 1.300 mm

DÂY CHUYỀN TẨY GI



Thép nguyên liệu có độ dày từ 1.5mm – 5mm, khổ rộng 750 mm – 1.300 mm được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay được trang bị hệ thống tái sinh Axit thu hồi gi thép dạng viên thành phẩm, góp phần hiệu quả vào bảo vệ môi trường.



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI

900,000 TẤN / NĂM

ĐỘ DÀY ĐẦU RA CỦA THÉP

0.15 mm - 3.0 mm

TỐC ĐỘ CÁN

1.400 mét / phút

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI



Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên ở Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất. Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng bằng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao.



CÔNG SUẤT MẠ

1,200,000 TẤN / NĂM

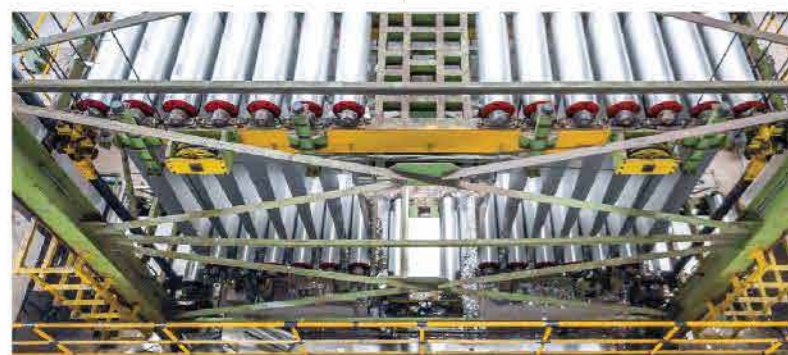
ĐỘ DÀY TÔN MẠ

0.18 mm - 3.5 mm

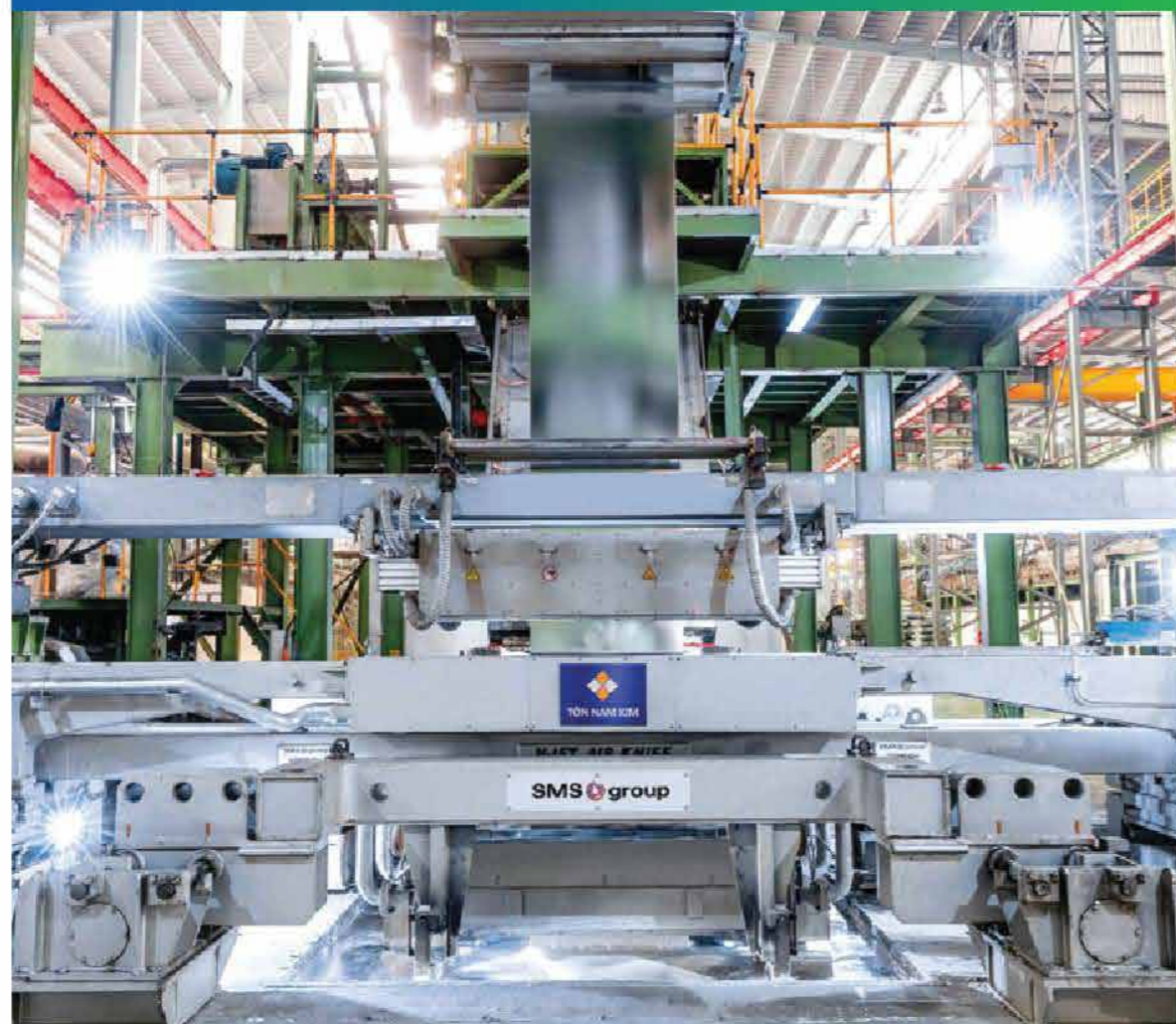
LỚP MẠ HỢP KIM

AZ200 (tôn lạnh) (GL)

Z600 (tôn kẽm) (GL)



DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH HOẶC MẠ KẼM



Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bi), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của Ajax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.

DÂY CHUYỀN THÁP MẠ CHỮ L





DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

CÔNG SUẤT MẠ MÀU

180,000 TẤN / NĂM



DÂY CHUYỀN MẠ MÀU



Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm đảm bảo chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.



KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm đều phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo được chất lượng tốt nhất.

1-2

Sản phẩm được kiểm tra độ bền dẻo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại, hợp kim.

3

Kiểm tra độ bám dính giữa lớp mạ và thép nền.

4

Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ.

5

Mô phỏng sự tác động của tia cực tím và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

6

Kiểm tra khả năng chống ăn mòn do muối của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh.

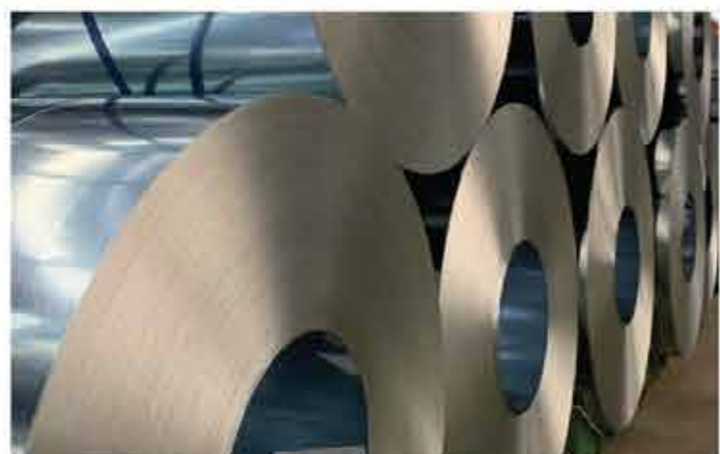
PHÒNG LAB TÔN NAM KIM ĐẠT TIÊU CHUẨN
ISO 17025:2017



TÔN LẠNH MÀU



TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM
GI



TÔN MẠ KẼM
GI



ÔNG THÉP

Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI



ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC

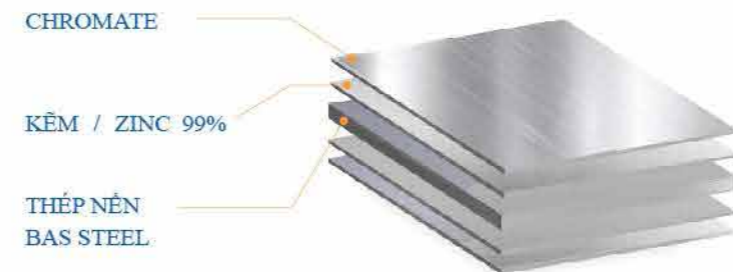



GI Z80 - Z600
MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Nhà thép tiền chế, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.


TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS G3302	SGCC, SGCD1, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTMA653 /A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền Base metal thickness (BMT)	0.25 mm - 3.75 mm
Khổ rộng Width	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass	80 - 600 g/m ² /2 mặt
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin pass, Non - skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ Coating protection	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling CR 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling

TIÊU CHUẨN MẠC THÉP CHI TIẾT STANDARD STEEL DETAILS

Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min]	Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min]
NHẬT BẢN JAPAN - JIS G3302				CHÂU ÚC AUSTRALIA- AS 1397			
SGCC	-	-	-	G250	250	320	25 (22)
SGCD1	-	270	34 ÷ 38	G300	300	340	20 (18)
SGC 340	245	340	20	G350	350	420	15 (14)
SGC 400	295	400	18	G450	450	480	10 (9)
SGC 440	335	440	18	G500	500	520	8 (7)
SGC 570	560	570	-	G550	550	550	2 (2)
CHÂU MỸ AMERICA- ASTM A653				CHÂU ÂU EUROPE- EN 10346			
CS Type A	170/380		20	DX51D	-	270 - 500	22
CS Type B	205/380		20	DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
SS 33 [230]	230	310	20	DX53D	140 - 260	270 - 380	30
SS 37 [255]	255	360	18	S220GD	220	300	(20)
SS 40 [275]	275	380	16	S250GD	250	330	(19)
SS 50 [340] - class 1	340	450	12	S280GD	280	360	(18)
SS 50 [340] - class 2	340	...	12	S320GD	320	390	(17)
SS 60 [410]	410	480	10 ^B	S350GD	350	420	(16)
SS 70 [480]	480	550	9 ^B	S550GD	550	560	-
SS 80 [550] - class 1	550	570	...				

*Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim



TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM



GLAZ50 - AZ200

MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm Là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43.5% Kẽm, 1.5% Sillic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Khung kèo nhẹ, xà gỗ kết cấu thép, sàn decking, tôn vách, tấm lợp, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

ANTI - FINGER

NHÔM - KẼM
Al 55%
Zn 43.5%
Si 1.5%

THÉP NỀN
BAS STEEL



TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS G3321	SGLCC, SGLCD, SGLC400, SGLC440, SGLC490, SGLC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTMA792 /A792M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền Base metal thickness (BMT)	0.18 mm - 2.00 mm
Khổ rộng Width	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass	50 - 200 g/m ² 2 mặt
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin pass, Non - skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ Coating protection	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling CR 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling

TIÊU CHUẨN MẠC THÉP CHI TIẾT STANDARD STEEL DETAILS

Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min]
-------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------

NHÌ T BÙN JAPAN - JIS G3321

SGLCC	205	270	20 ÷ 25
SGLCD	-	270	27 ÷ 33
SGLC 400	295	400	16 ÷ 18
SGLC 440	335	440	14 ÷ 18
SGLC 490	365	490	12 ÷ 16
SGLC 570	560	570	-

CHÂU Mĩ AMERICA - ASTM A792

CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340]- class 1	340	450	12
SS 50 [340]- class 2	340	...	12
SS 60 [410]	410	480	10 ^B
SS 70 [480]	480	550	9 ^B
SS 80 [550]- class 1	550	570	...

Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min]
-------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------

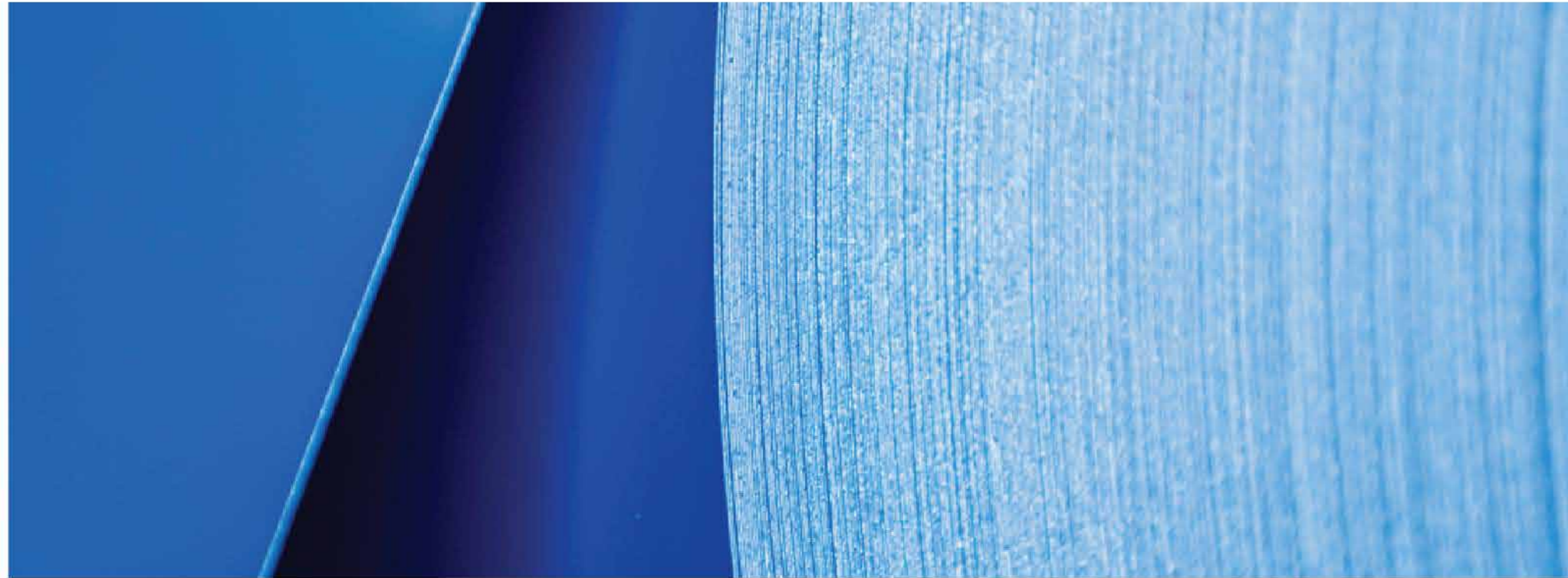
CHÂU ỨC AUSTRALIA - AS 1397

G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)

CHÂU ẬU EUROPE - EN 10346

DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S550GD	550	560	-

*Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim


PPGL AZ100 - PE 17/8
MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn PE tiên tiến đảm bảo màu sắc duy trì lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường ôn hòa.


TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH GUARANTEE

Bảo hành chống thủng <i>Warranty against perforation</i> 15 năm years
Bảo hành toàn vẹn màng sơn <i>Film integrity warranty</i> 8 năm years
Bảo hành phai màu sơn <i>Warranty against paint color fading</i> 5 năm years

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền	Base metal thickness (BMT)	0.20 mm - 1.20 mm
Khả rộng	Width	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al - Zn)	Coating mass	100g/m ² /2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng	Top coat/ Back coat thickness	17/8 μm
Xử lý bề mặt	Surface processing	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester	12 mic ron
Lớp sơn lót	Primer coat	Polyester	5 micron
Lớp biến tính	Pre - Treatment	Chemical	20 - 40 mg /m ²
Sơn mặt lưng	Back coat		
Lớp biến tính	Pre - Treatment	Chemical	20 - 40 mg /m ²
Lớp sơn lót	Primer coat	Polyester	4 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester	4 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 100g /m²/2 mặt.
Aluminum - Zinc alloy coated layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating mass 100g/m²/both sides.

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình



PPGLAZ150 | PE 20/10 | SPE 25/10 | PVDF 25/12

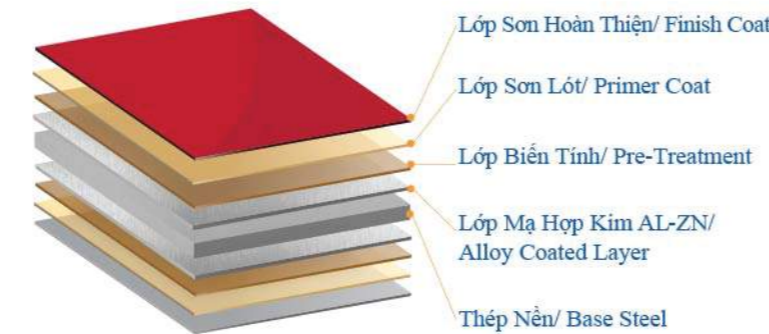
MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa các dòng sơn cao cấp khác nhau với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm mang lại đặc tính chống ăn mòn vượt trội và kháng bám bụi góp phần duy trì tính thẩm mỹ và hiệu quả cho công trình.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt.



TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH GUARANTEE

	Bảo hành chống thủng <i>Warranty against perforation</i> 20 năm years
Sơn PE PE Paint	Bảo hành toàn vẹn màng sơn <i>Film integrity warranty</i> 10 năm years Bảo hành phai màu sơn <i>Warranty against paint color fading</i> 8 năm years
Sơn SPE SPE Paint	Bảo hành toàn vẹn màng sơn <i>Film integrity warranty</i> 15 năm years Bảo hành phai màu sơn <i>Warranty against paint color fading</i> 10 năm years
Sơn PVDF PVDF Paint	Bảo hành toàn vẹn màng sơn <i>Film integrity warranty</i> 20 năm years Bảo hành phai màu sơn <i>Warranty against paint color fading</i> 12 năm years

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

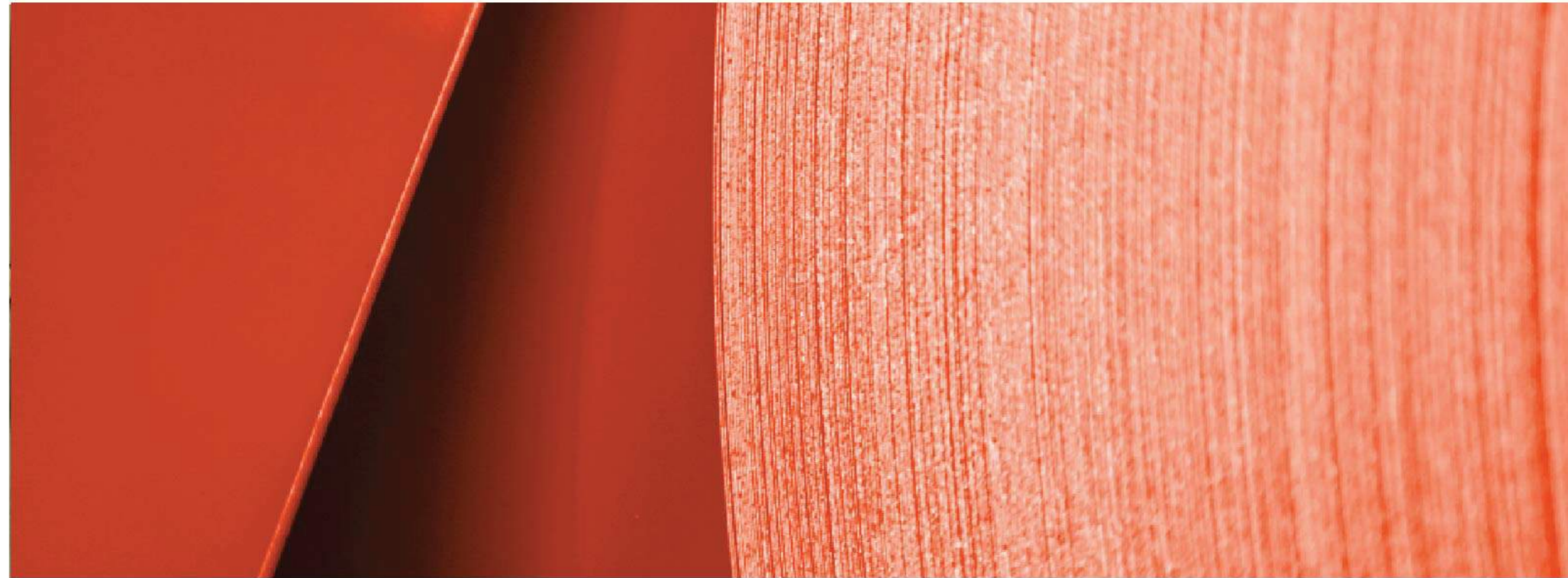
Độ dày tôn nền	Base metal thickness (BMT)	0.20 mm - 1.20 m
Khổ rộng	Width	Max 1250mm
Khối lượng lớp mạ (Al- Zn)	Coating mass	150 g/m ² /2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng	Top coat/ Back coat thickness	20/10 μm 25/10 μm 25/12 μm
Xử lý bề mặt	Surface processing	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	Top coat	
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester/ Super Polyester/ PVDF
Lớp sơn lót	Primer coat	Polyester/ Super Polyester/ PVDF
Lớp biến tính	Pre - Treatment	Chemical
Sơn mặt lưng	Back coat	
Lớp biến tính	Pre - Treatment	Chemical
Lớp sơn lót	Primer coat	Polyester
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g / m² 2 mặt.
Aluminum - Zinc alloy coated layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating mass 150g/m²/both sides.

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình



PPGLAZ200 | SPE 25/10 | PVDF 25/12

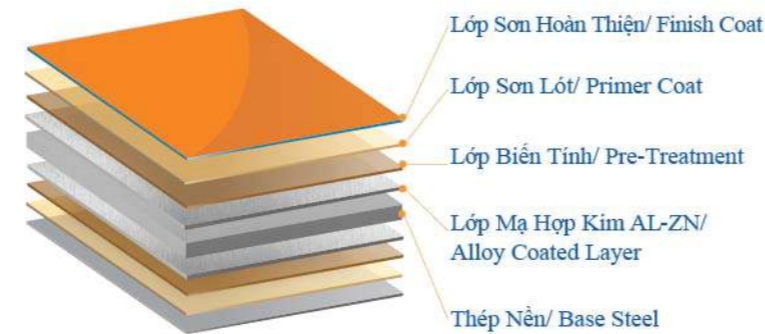
MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE và PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt nhất.



TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH GUARANTEE

	Bảo hành chống thủng Warranty against perforation 25 năm years
Sơn SPE SPEPaint	Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty 15 năm years
	Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading 10 năm years
Sơn PVDF PVDFPaint	Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty 20 năm years Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading 12 năm years

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền	Base metal thickness (BMT)	0.20 mm - 1.20 mm
Khả rộng	Width	Max 1250mm
Khối lượng lớp mạ (Al- Zn)	Coating mass	200 g/m ² /2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng	Top coat/ Back coat thickness	25/10 μm 25/12 μm
Xử lý bề mặt	Surface processing	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Super polyester/ PVDF	20 mic ron
Lớp sơn lót	Primer coat	Super Polyester/ PVDF	5 micron
Lớp biến tính	Pre - Treatment	Chemical	20 - 40 mg /m ²
Sơn mặt lưng	Back coat		
Lớp biến tính	Pre - Treatment	Chemical	20 - 40 mg /m ²
Lớp sơn lót	Primer coat	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester	5 - 7 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 200g/m²/2 mặt.
Aluminum - Zinc alloy coated layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating mass 200g/m²/both sides.

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình





THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



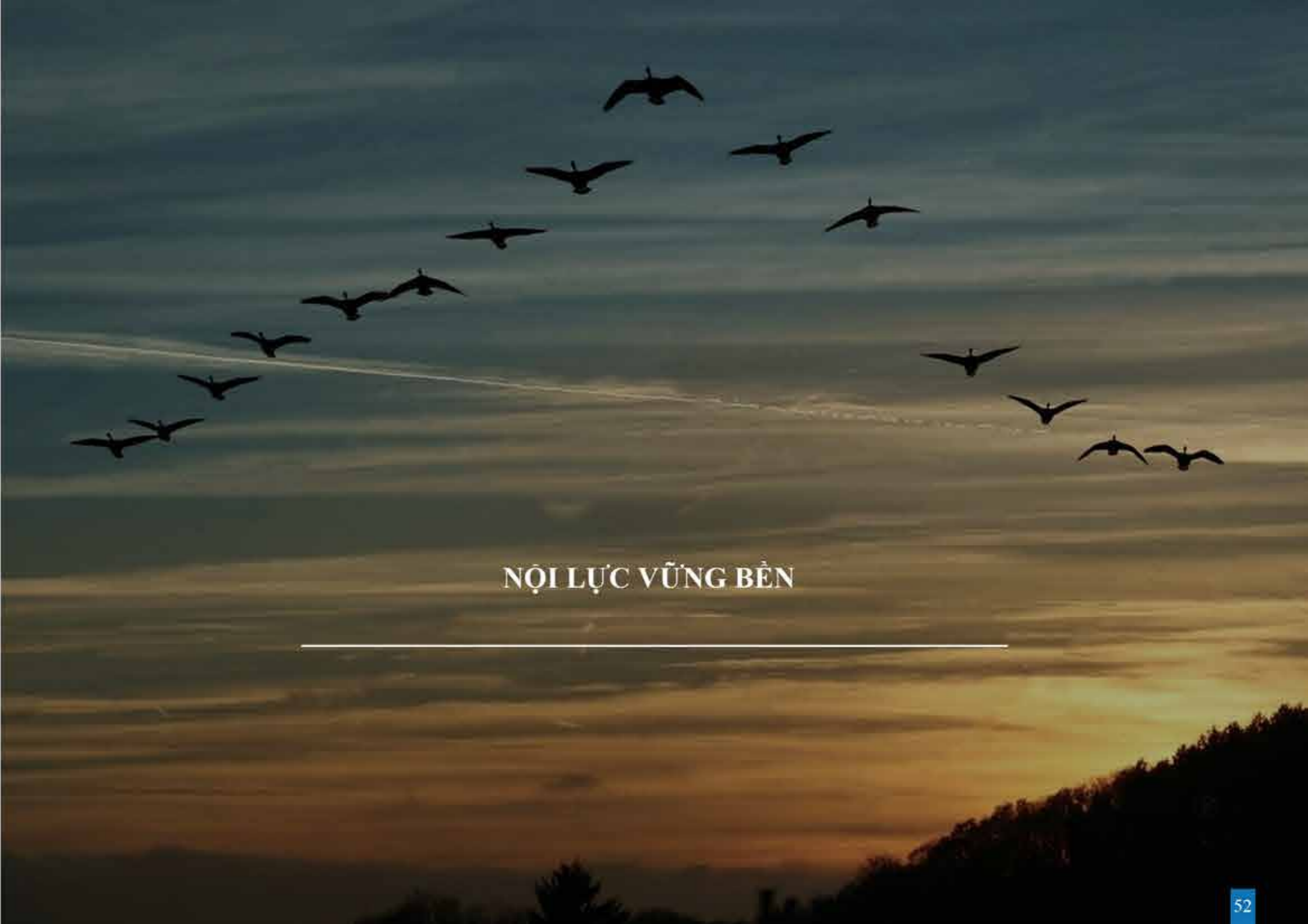
TRÊN **50**
 QUỐC GIA VÀ
 VÙNG LÃNH THỔ

Hiện Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Châu Âu và Mỹ, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông, Châu Phi.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Vị mô 2021	53
Ngành thép 2021	55
Tồn Nam Kim 2021	57
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	60



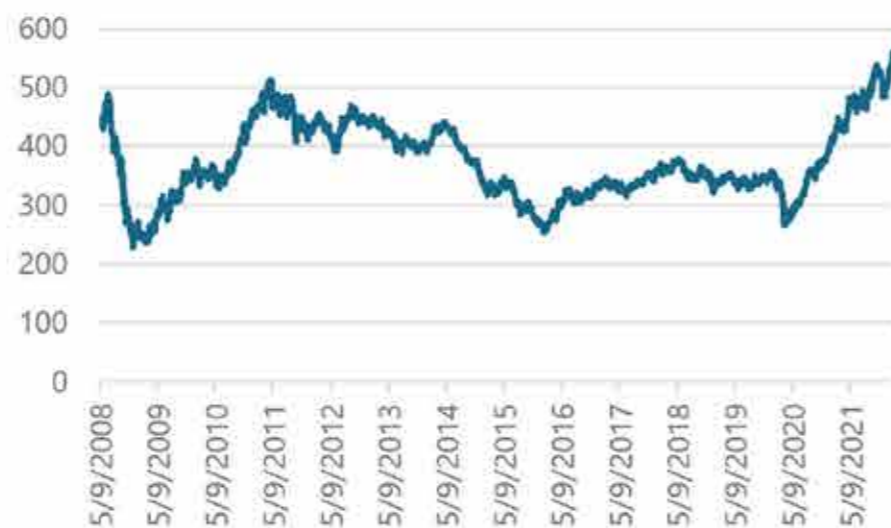
NỘI LỰC VỮNG BỀN

LẠM PHÁT VÀ ĐỨT GÂY CHUỖI CUNG ỨNG CỤC BỘ

Việc phân bổ vaccine không đều dẫn đến sự hồi phục nền kinh tế thế giới trong năm 2021 diễn ra không đồng nhất. Các quốc gia có sự hồi phục sớm như khối OECD nhanh chóng gia tăng nhu cầu tiêu thụ nội địa. Tuy nhiên, biến chủng Delta đã hoành hành rất mạnh quý 2 và 3 năm 2021 đã khiến nhiều nước trong chuỗi cung ứng áp dụng lệnh phong tỏa, dẫn đến việc đứt gãy chuỗi cung ứng, đồng thời gia tăng mạnh mẽ áp lực lên ngành vận tải biển, vốn đã chủ động giảm đội tàu do tác động của dịch Covid trong năm 2020. Do đó, chỉ trong vòng nửa cuối năm 2021 giá cước vận tải biển đã tăng gấp 6 lần so với giá cước cùng kỳ nửa đầu năm 2021, với đỉnh giá cước lên mức USD 12,424/cont (tham chiếu cước container 40ft chặng Thượng Hải – Los Angeles). Áp lực chuỗi cung ứng cùng với giá xăng tăng mạnh đã khiến toàn bộ các loại hình vận tải đều tăng cước từ 30% – 100% trong Quý 4/2021 và Quý 1/2022.



GIÁ CƯỚC CONTAINER 40FT CHẶNG THƯỢNG HẢI – LOS ANGELES (USD)



CHỈ SỐ GIAO NIẬN HÀNG HÓA CỦA BLOOMBERG

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2022

Năm 2021 cũng là năm chứng kiến các nước hạ lãi suất điều hành nhằm phục hồi kinh tế. Trong đó, riêng FED đã duy trì mức lãi suất điều hành thực tế quanh 0% (so với mức 2.4% năm 2019) từ nửa cuối năm 2021 tới hết 2021. Ngoài ra, các ngân hàng Trung ương lớn như EC (Ngân hàng Trung ương Châu Âu) hay BOJ (Ngân hàng Trung ương Nhật Bản) đều hạ lãi suất về mức sát 0% trong hai năm qua. Lạm phát đã diễn ra như một phần tất yếu, đặc biệt vào nửa cuối năm 2021 khi các nước dần gỡ bỏ lệnh giãn cách. Lạm phát ở Mỹ đạt mức 7% trong tháng 12/2021, cao nhất trong 39 năm. Châu Âu cũng không là ngoại lệ, khi lạm phát tháng 12/2021 đạt mức 4,9%, cao nhất trong 22 năm. Việc lạm phát leo thang dẫn đến giá cả hàng hóa tăng cao đột ngột, bao gồm các loại hàng hóa thiết yếu lẫn kim loại phục vụ cho công nghiệp.

VIỆT NAM – HỒI SINH MẠNH MẼ

2.58% là mức tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2021. Bất chấp việc đây là mức tăng trưởng GDP thấp nhất kể từ năm 1987, nền kinh tế Việt Nam đã chứng minh được nội lực và khả năng phục hồi nhanh chóng sau đại dịch. Có lẽ chưa bao giờ nền kinh tế Việt Nam phải trải qua một sự kiện “Thiên Nga Đen” lớn như Quý 2 và 3/2021, nền kinh tế gần như tê liệt khi dịch bệnh bùng phát rộng lớn khắp các tỉnh phía Nam. GDP trong Quý 3/2021 đã ghi nhận mức giảm kỷ lục - 6.17%.

Tính đến hết tháng 2/2022, Việt Nam đã cơ bản tiêm được 195 triệu liều, trong top 30 nước có tỷ lệ tiêm chủng cao nhất thế giới. Kỳ tích về tốc độ tiêm chủng đã giúp nền kinh tế hồi phục nhanh chóng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng trưởng trở lại trong tháng 11 và 12/2021, đạt mức 52,5 điểm và tăng lên mức 53,6 điểm trong tháng 1/2022. IHS Markit nhận định động lực tăng trưởng đối với khu vực sản xuất chế tạo của Việt Nam đã mạnh hơn trong đầu năm nay khi đã phục hồi từ sau làn sóng lây nhiễm Covid-19 lần thứ 4 vẫn tiếp tục. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh với tốc độ tăng nhanh nhất trong vòng 9 tháng trở lại đây khi nhu cầu của khách hàng tiếp tục cải thiện. Trong đó, số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài tiếp tục tăng và đạt tốc độ tăng cao nhất kể từ tháng 11/2018.

Đầu tư công sẽ tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt sự phục hồi nền kinh tế thông qua gói kích thích phục hồi kinh tế trị giá 350.000 tỷ VND. Trong đó, tổng mức đầu tư công dự kiến cho năm 2022 đạt 526.106 tỷ VND (tăng 10,2% so với cùng kỳ).



THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Theo thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), tổng sản lượng ngành thép Việt Nam trong năm 2021 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng kỷ lục, đạt 30,8 triệu tấn (+32,6% so với cùng kỳ). Trong đó, riêng sản lượng nội địa đạt 23,27 triệu tấn (+24% so với cùng kỳ). Xét trên nhóm ngành, hai dòng sản phẩm có mức tăng trưởng đột phá nhất trong tổng sản lượng ngành thép năm 2021 là thép cuộn cán nóng (HRC) và tôn mạ và CRC, với sản lượng trong năm 2021 lần lượt đạt 12,3 triệu tấn (+113% so với cùng kỳ) cho HRC và 5,96 triệu tấn (+52,7% so với cùng kỳ) cho tôn mạ.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid 19, tiêu thụ nội địa của tôn mạ trong năm 2021 chỉ đạt 1,988 triệu tấn, giảm 13,9% so với năm 2020.

Động lực tăng trưởng của sản phẩm mạ và CRC năm 2022 là sự phục hồi hậu Covid-19 của trong xây dựng dân dụng và xây dựng nhà xưởng công nghiệp.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI VÀ XUẤT KHẨU

Trái ngược với thị trường trong nước, ngành thép thế giới đã chứng kiến một năm nhiều biến động. Trong năm 2020, các nhà phân tích trên thế giới kỳ vọng sản lượng thép toàn cầu sẽ tăng từ 7%-9% trong năm 2021, tuy nhiên việc dịch Covid-19 bùng phát mạnh ở cả Mỹ lẫn Châu Âu trong nửa đầu năm 2021 đã khiến nhiều lò cao đóng cửa. Các nước châu Âu và Mỹ chỉ dần mở cửa lại nền kinh tế từ sau tháng 7/2021, tuy nhiên điều đó cũng không đủ để giúp tăng trưởng sản lượng thép thế giới trong 2021 đạt như kỳ vọng. Theo thống kê của World Steel, sản lượng thép thô toàn cầu năm 2021 đạt 1,95 tỷ tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ.

Trung Quốc vẫn là quốc gia chiếm tỷ trọng số một trong ngành thép thế giới, với tổng sản lượng năm 2021 đạt 1,032 tỷ tấn (-3% so với cùng kỳ), chiếm 53% sản lượng thép toàn cầu. Trong năm 2022, sản lượng thép của Trung Quốc dự kiến tiếp tục suy giảm trong Quý 1/2022 để đảm bảo thời gian phát thải trong kỳ đại hội Olympic mùa Đông. Tuy nhiên, chính phủ Trung Quốc đã lùi thời hạn đình phát thải CO2 đối với ngành thép xuống năm 2025, qua đó dự kiến sản lượng thép từ Trung Quốc sẽ hồi phục mạnh từ giai đoạn mùa hè 2022. Tuy nhiên, chính sách kiểm soát dịch bệnh Zero Covid có thể ảnh hưởng đến tình hình sản xuất và tiêu thụ nội địa của nước này.

Ngành thép của Mỹ, Nhật và Ấn Độ trong năm 2021 lại chứng kiến cảnh trái

ngược với ngành thép Trung Quốc, khi tổng sản lượng đã tăng trưởng lần lượt là 18,3%, 14,9% và 17,8% trong năm 2021. Trong năm 2022, dự kiến sản lượng thép của các nước này sẽ tiếp tục tăng khi hầu hết các nước đã gỡ bỏ các lệnh phong tỏa vì Covid-19 cũng như bù đắp sản lượng thiếu hụt từ Nga và Ukraine.



Dự án	ĐVT	2020	2021	Tăng/Giảm
Tiêu thụ nội địa	Tấn	2,309,977	1,988,002	-13,9%
Xuất khẩu	Tấn	1,619,361	3,370,482	108,1%
Tổng tiêu thụ	Tấn	3,929,338	3,370,482	36,4%

Thị trường nguyên vật liệu tiếp tục biến động mạnh do ảnh hưởng từ cuộc chiến Nga – Ukraine

Giá quặng sắt và than cốc

Quặng sắt: Trong năm 2021, giá than cốc và quặng sắt đã diễn biến cực kỳ khó lường. Trong nửa đầu năm 2021, quặng sắt đã ghi nhận mức giá kỷ lục USD 221/tấn vào tháng 5/2021 (từ mức USD 82/tấn vào nửa đầu năm 2020) trước nhu cầu đột biến từ các nước châu Âu và Trung Quốc. Trong nửa đầu năm 2021, việc các nhà sản xuất Trung Quốc tăng nhập hàng dự trữ trước khi chính sách giảm hoàn thuế VAT cho thép xuất khẩu được áp dụng trong nửa cuối năm 2021 đã khiến giá quặng tăng mạnh. Tuy nhiên trong nửa cuối năm 2021, khi nguồn cung quặng sắt dần ổn định, giá quặng sắt đã sụt giảm và tạo đáy vào tháng 11/2021 với mức giá USD 92/tấn trước khi hồi phục lên mức USD 153/tấn vào tháng 3/2022.

Than cốc: Than cốc là sản phẩm chính phục vụ cho ngành công nghiệp luyện than và điện. Tuy nhiên, giá than đã mang nhiều tính thời vụ khi vào mùa đông (tháng 9 – tháng 2 hàng năm), giá than đã sẽ có xu hướng tăng lên do nhu cầu tăng đột biến. Tuy nhiên, cho đến mùa đông 2021, đứng trước cuộc chiến tranh thương mại giữa Úc và Trung Quốc, cộng thêm việc các mỏ than Ấn Độ bị ảnh hưởng do lũ lụt, đã khiến giá than cốc tăng cực mạnh, từ mức USD 130/tấn vào tháng 5/2021 lên USD 325/tấn vào tháng 11/2021 trước khi điều chỉnh giảm về mức USD 213/tấn vào tháng 12/2022.

Giá HRC toàn cầu có xu hướng tăng ngược trở lại

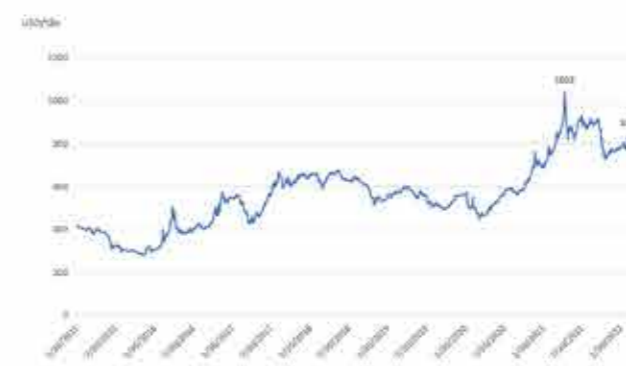
Do ảnh hưởng bởi giá quặng sắt và than cốc, giá HRC giao dịch tại sản Thương Hải trong giai đoạn nửa đầu năm 2021 cũng đã tăng rất mạnh lên mức USD 1,035/tấn, tăng 130% so với lúc đáy USD 460/tấn năm 2020. Tuy nhiên, sang Quý 4/2021 nhu cầu HRC đã sụt giảm khi chính phủ Trung Quốc yêu cầu các nhà máy thép giảm sản lượng để nhường lượng than cho nhu cầu điện cao điểm mùa đông cũng như hạn chế ô nhiễm môi trường, giá HRC đã điều chỉnh và cân bằng quanh mức USD 760/tấn trong Quý 4/2021.

Ảnh hưởng từ cuộc chiến Nga – Ukraine

Năm 2022, sau khi kế thúc dịch bệnh là cuộc chiến giữa Nga và Ukraine. Chiến tranh giữa các nước đã khiến nền kinh tế phục hồi trong mong manh nay phải đối diện rủi ro khủng hoảng kinh tế. Nga vốn là nước xuất khẩu than thứ lớn 3 trên thế giới cũng như chiếm 4% sản lượng thép toàn cầu, chưa tính tới các sản phẩm khác như khí đốt, phân bón, ... Việc các nước đồng loạt đưa lệnh cấm vận với Nga đã khiến giá các loại sản phẩm tăng mạnh, đặc biệt là than cốc.

Giá than cốc tăng phi mã lên mức USD 635/tấn vào tháng 3/2022 từ mức USD 213/tấn vào cuối năm 2021 đã gây sức ép mạnh mẽ lên các loại hàng hóa khác. Đặc biệt, Nga Ukraine và Belarus chiếm hơn 30% sản lượng thép xuất khẩu vào châu Âu. Giá HRC giao dịch sản Thương Hải lập tức đã điều chỉnh tăng lên mức USD 835/tấn vào tháng 3/2022, tương đương hơn USD 900/tấn CFR VN cho sản phẩm HRC dùng làm nguyên liệu mạ. Đồng thời, Trung Quốc kéo lùi thời điểm đình phát thải cho ngành thép đến năm 2030, qua đó trực tiếp tăng nhu cầu quặng sắt, khiến giá quặng đã hồi phục lên mức USD 145/tấn, tăng USD 60/tấn so với cuối năm 2021.

Diễn biến giá HRC sản Thương Hải 2015 – 03/2022



Thị trường xuất khẩu

Thị trường xuất khẩu trong năm 2021 là điểm sáng cực lớn của nền công nghiệp Việt Nam. Tổng giá trị xuất khẩu đạt 12,7 tỷ USD, với tổng sản lượng xuất khẩu đạt hơn 14 triệu tấn thép thành phẩm & bán thành phẩm. Mảng tôn mạ tăng trưởng ấn tượng, sản lượng tiêu thụ toàn ngành toàn ngành 2021 đạt 5,358 triệu tấn (tăng 36,4% so với cùng kỳ), trong đó xuất khẩu chiếm 45%, tương đương 3,37 triệu tấn (tăng 208% so với cùng kỳ).

Thị trường xuất khẩu sẽ tiếp tục rộng mở trong năm 2022 khi chiến tranh giữa Nga – Ukraine chưa có dấu hiệu kết thúc. Hiện nay, Nga xếp thứ 2 về xuất khẩu thép vào EU, với tỷ trọng 14,1% thép dẹt và 19% thép dài, Ukraine chiếm 8% thép dẹt và 7,4% thép dài còn Belarus chiếm 14,4% thép dài. Việc thiếu hụt nguồn cung trầm trọng sẽ giúp các công ty thép Việt Nam sẽ tiếp tục hưởng lợi từ xuất khẩu, đặc biệt từ thị trường Châu Âu và Mỹ. Trong cả năm 2021, các chính sách thuế chống bán phá giá đối với Việt Nam không có thay đổi đáng kể, vẫn giữ nguyên ở mức rất thấp hoặc không có. Do vậy, hoạt động xuất khẩu của ngành thép hứa hẹn tiếp tục một năm 2022 tươi sáng phía trước.

Tương quan giá quặng sắt và than cốc 2015 – 03/2022



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, Công ty đã đạt được những kết quả hết sức đáng khích lệ so với kế hoạch đề ra. Cụ thể, kết thúc năm tài chính 2021, doanh thu đạt 28,206 tỷ đồng, tăng 244% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh đạt 2,225 tỷ đồng trong năm 2021, tăng trưởng 753% so với cùng kỳ. So với kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt vượt 176% và 294%. Chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận trên vốn đạt 38.9%, tương ứng tăng trưởng hơn 418% so với thực hiện năm 2020.

Tổng kết cho năm 2021, kết quả kinh doanh hết sức đáng khích lệ này đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó:

Công ty tận dụng tốt thời cơ để đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, tỷ trọng xuất khẩu trong tổng doanh thu đạt 68%, tương ứng với 19,200 tỷ đồng, tăng trưởng 305% so với năm 2020.

Biên lợi nhuận góp tăng mạnh, từ 7.5% trong năm 2020 lên 15.1% trong năm 2021.

Giữ ổn định sản xuất kể cả trong quá trình dịch bệnh, tận dụng tối đa lợi thế về chuỗi sản xuất khép kín bất chấp dịch bệnh.

Hệ thống quản trị vận hành tích hợp nền tảng ERP – SAP S/4 HANA vận hành tối ưu, giúp Công ty luôn giữ vững nhịp độ sản xuất ở mức trên 100% công suất bất chấp việc chuỗi cung ứng đứt gãy.

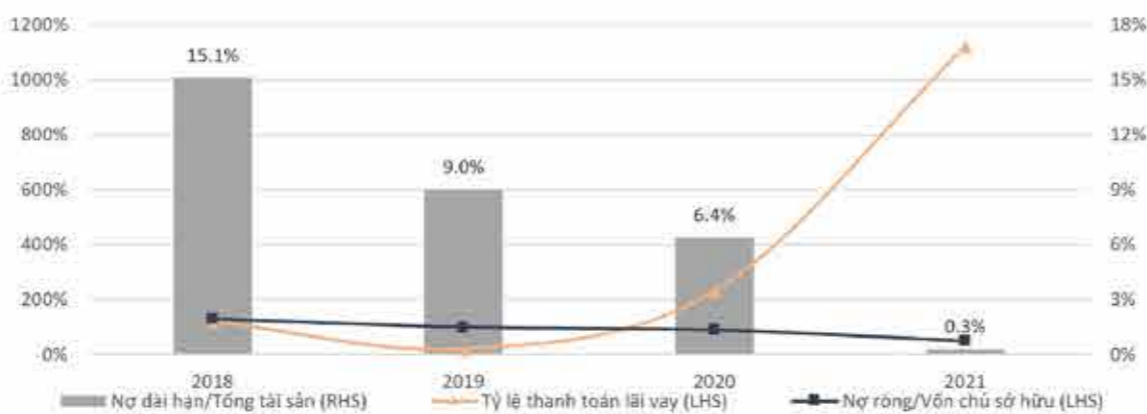
Năm 2022, đứng trước rủi ro về việc giá nguyên liệu biến động mạnh, cũng như đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu chưa có dấu hiệu chấm dứt, Công ty định hướng chủ trọng đẩy mạnh sức mạnh nội tại. Thông qua việc hoàn tất mua Công ty Dae Myung, trong năm 2022 Công ty chủ trọng tái cơ cấu nhà máy, đồng thời mở rộng công xuất cán hiện hữu. Tầm nhìn tới năm 2025, tổng công suất của Tôn Nam Kim sẽ tăng lên 2.4 triệu tấn.

Chỉ tiêu (Triệu VND)	KH 2021	TH 2020	TH 2021	% TH 2021/KH2021	% TH 2021/TH2020
Doanh thu thuần	16,000,000	11,559,675	28,206,149	176.3%	244.0%
Vốn điều lệ	1,819,999	1,819,999	2,183,985	120.0%	120.0%
Lợi nhuận sau thuế	600,000	295,270	2,225,568	370.9%	753.7%
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	3.8%	2.6%	7.9%	207.9%	303.8%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	13.2%	9.3%	38.9%	294.7%	418.3%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tiếp nối những thành quả trong năm 2020, Công ty tiếp tục chiến lược gia tăng sức khỏe tài chính nội tại thông qua việc tăng cường trả nợ vay dài hạn, đồng thời tìm kiếm các nguồn vay ngắn hạn có lãi suất ưu đãi hơn. Tỷ lệ nợ dài hạn/tổng tài sản kết thúc năm 2021 chỉ còn chiếm 0.3%. Chỉ trong vòng 4 năm, Công ty đã hoàn tất xử lý các nợ phục vụ cho mục đích đầu tư gia tăng công suất cũng như thanh lý các khoản đầu tư không hiệu quả. Với việc tăng cường thanh toán các khoản nợ dài hạn, tỷ lệ nợ ròng/vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2021 chỉ còn 50%, giảm mạnh so với mức 90% trong năm 2020. Qua đó, khả năng thanh toán lãi vay của Công ty đã đạt mức 11.2x, gấp gần 5 lần so với mức 2.3x trong năm 2020.

Tỷ lệ nợ và khả năng thanh toán lãi vay qua các năm



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản trong năm 2021 đạt 63%, không có nhiều biến động so với mức 58% năm 2020 và 61% của năm 2019. Điểm đáng lưu ý là Công ty đã tăng mạnh các khoản phải trả trong năm 2021 lên mức 20.4% (so với 7.9% trong năm 2020), giúp giảm áp lực dòng tiền trong bối cảnh giá nguyên vật liệu nhảy múa. Cụ thể, bất chấp việc đứt gãy chuỗi cung ứng trong thời điểm nhu cầu sử dụng tôn mạ tăng đột ngột, Công ty vẫn giảm được vòng quay tiền mặt từ 82 ngày trong năm 2020 về mức 78 ngày trong năm 2021. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2021 cũng đã tăng mạnh lên mức 2,636 tỷ đồng, chiếm 46% vốn chủ sở hữu, qua đó cam kết đủ duy trì mức cổ tức năm 2021 cho nhà đầu tư.

Cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2021 hầu hết các chỉ số về năng lực hoạt động Công ty gần như không đổi. Do chuỗi cung ứng bị tắc nghẽn, Công ty buộc phải gia tăng lượng hàng tồn kho nhằm đảm bảo sản lượng cho các hợp đồng xuất khẩu đã ký kết. Vòng quay hàng tồn kho đã tăng mạnh từ 29 ngày trong năm 2020 lên 74 ngày trong năm 2021. Đồng thời, các khoản phải thu cũng được xử lý nhanh hơn trong năm 2021 nhờ chính sách bán hàng mới, trong đó trọng tâm là về tốc độ thanh toán. Số ngày của vòng quay khoản phải thu năm 2021 giảm mạnh về mức 19 ngày, so với mức 38 ngày trong năm 2020. Nhờ uy tín về chất lượng trên thị trường, Công ty luôn giữ cho mình vị thế đàm phán phù hợp, đảm bảo lợi ích cho không chỉ Công ty mà còn cho các đối tác. Qua đó, vòng quay tiền mặt của Công ty trong năm 2021 được cải thiện về mức 78 ngày, so với mức 82 ngày trong năm 2020.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Về hiệu suất sinh lời, năm 2021 Công ty đã tăng trưởng hết sức ấn tượng. Trong một năm hứng chịu rất nhiều khó khăn từ dịch bệnh, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt mức kỷ lục là 9.04% (so với 2.73% trong năm 2020). Qua đó, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đều tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021, lần lượt đạt 38.9% và 14.5% (so với 9.3% và 3.9% trong năm 2020). Trong đó, điểm rất tích cực rằng dù tổng tài sản tăng 203% nhưng tỷ suất sinh lời như ROE hay ROA đều tăng trưởng vượt trội hơn. Nhờ đó, hệ số thu nhập trên



vốn sử dụng (ROCE) và hệ số sinh lợi trên tổng mức đầu tư (ROIC) đều cải thiện mạnh, lần lượt đạt 44.8% và 28.7% trong năm 2021 (so với 8.2% và 6.8% trong năm 2020). Đóng góp cho thành quả rực rỡ này nhờ việc thúc đẩy mạnh mẽ thị trường xuất khẩu. Trong năm 2021, doanh thu mảng xuất khẩu đạt 19,200 tỷ đồng, tăng trưởng 305% so với năm 2020. So sánh với doanh thu nội địa năm 2021 chỉ đạt mức tăng trưởng 31%, tương ứng doanh thu là 9,005 tỷ đồng. Đây chính là điểm nổi bật nhất của Công ty trong năm 2021 vừa qua, không chỉ trong ngành thép mà nhìn rộng trên khía cạnh các doanh nghiệp Việt Nam. Việc đóng của thị trường phía Nam do ảnh hưởng dịch Covid đã khiến rất nhiều doanh nghiệp điêu đứng, tuy nhiên Công ty đã hoàn toàn đánh thắng được dịch bệnh nhưng vẫn đảm bảo sự an toàn của toàn thể cán bộ công nhân viên. Với việc tận dụng tốt quá trình tăng giá của HIRC trong nửa cuối năm 2020 và nửa đầu năm 2021, Công ty đã đạt được biên lợi nhuận sau thuế trong năm 2021 là 7.9% (so với 2.9% trong năm 2020).

Chỉ tiêu	2020	2021
Khả năng thanh toán (x)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.1x	1.3x
Hệ số thanh toán nhanh	0.5x	0.3x
Hệ số thanh toán tiền mặt	0.2x	0.1x
Chỉ tiêu cơ cấu vốn (%)		
Nợ ròng/Tổng tài sản	29.1%	12.2%
Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	90.0%	50.0%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	137.1%	168.8%
Khả năng thanh toán lãi vay	2.3x	11.2x
Chỉ tiêu về vòng quay tiền (Ngày)		
Vòng quay khoản phải trả	29 ngày	74 ngày
Vòng quay khoản phải thu	38 ngày	19 ngày
Vòng quay hàng tồn kho	73 ngày	133 ngày
Vòng quay tiền mặt	82 ngày	78 ngày
Tỷ suất sinh lời (%)		
ROA	3.9%	14.5%
ROE	9.3%	38.9%

Chỉ tiêu	2020	2021	
ROIC	8.2%	28.7%	
ROCE	6.8%	44.8%	
Biên lợi nhuận (%)			
Biên lợi nhuận gộp	7.50%	15.10%	
Biên lợi nhuận từ HDKD	2.73%	9.04%	
Biên lợi nhuận trước thuế	2.80%	9.10%	
Biên lợi nhuận sau thuế	2.60%	7.90%	
Chỉ tiêu (Triệu VND)			
Tổng tài sản	7,543,546	15,382,636	Tăng trưởng%
Doanh thu thuần	11,613,991	28,206,149	242.9%
Lợi nhuận gộp	869,209	4,259,859	490.1%
Lợi nhuận từ HDKD	317,812	2,550,937	802.7%
Lợi nhuận khác	3,629	11,091	305.6%
Lợi nhuận trước thuế	320,810	2,562,336	798.7%
Lợi nhuận sau thuế	295,267	2,225,568	753.7%



TỔNG QUAN

Trong năm 2021, dưới sự định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trên tinh thần sẵn sàng thay đổi để thích ứng với những biến động từ thị trường và dịch bệnh. Trong năm 2021, trên tinh thần "Trong nguy có cơ", bất chấp dịch bệnh luôn đe dọa, BTGD đã nhìn thấy được cơ hội khi trong bối cảnh nền kinh tế hồi phục sau những chiến dịch tiêm vaccine đầy tốc độ. Qua đó, kết thúc năm 2021, Tôn Nam Kim đã gặt hái được những thành công rực rỡ ở trong cả năm nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra, bao gồm:

Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng trong bối cảnh thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế bị ảnh hưởng trầm trọng do dịch bệnh

Lợi nhuận vượt chỉ tiêu đã trình Đại hội cổ đông

Tiếp tục thanh toán các khoản nợ vay, tăng sức khỏe tài chính doanh nghiệp.

Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, đảm bảo sức khỏe và an sinh cho CBCNV.

Nâng cao hiệu quả điều hành và quản trị

Tựu chung, năm 2021 là năm có nhiều biến động, đặc biệt dịch Covid-19 lần IV đã khiến thị trường xây dựng nội địa bị chững lại, dòng vốn FDI gặp nhiều khó khăn trong đầu tư và triển khai dự án. Dịch bệnh đã khiến cho nhu cầu nội địa bị tác nghẽn hoàn toàn, đặc biệt ở thị trường phía Nam. Ngoài ra, việc đứt gãy chuỗi cung ứng đã khiến giá logistic cũng như nguyên liệu đầu vào tăng vọt một cách khủng khiếp. Nhưng với quyết tâm, sự tập trung cao độ và chỉ đạo kịp thời của BTGD và HDQT, Tôn Nam Kim đã vượt qua những khó khăn và đạt được những thành quả như sau

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2021

VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trong năm 2021, sản lượng tiêu thụ của Tôn Nam Kim đạt 1.080.000 tấn sản phẩm, tăng trưởng 53% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng tiêu thụ của tôn mạ 933.000 (+65% so với cùng kỳ) và 147.000 tấn (5% so với cùng kỳ).

Về kết quả kinh doanh, tổng doanh thu thuần toàn đạt 28,206 tỷ đồng, tăng 144% so với năm 2020. Trong đó, chúng tôi tự hào khi lợi nhuận sau thuế đạt mức cao nhất lịch sử, tương ứng 2,225 tỷ đồng, tăng 653.7% so với cùng kỳ năm ngoái. Biên lợi nhuận gộp đạt mức kỷ lục là 15.1% so với mức 7.5% của năm 2020 nhờ vào việc quản lý hiệu quả hàng tồn kho, kiểm soát tốt chi phí cũng như hưởng lợi từ diễn biến giá thép phục hồi trong nửa cuối năm 2020 và nửa đầu năm 2021. Hiện tại, trong cơ cấu doanh thu năm 2021, doanh thu mảng xuất khẩu chiếm 68%.

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2021, tổng tài sản đạt 15,382 tỷ đồng, tăng 104% so với cùng kỳ. Trong đó, hàng tồn kho tăng mạnh lên mức 8,701 tỷ đồng, chiếm 57% tổng tài sản. Do việc đứt gãy chuỗi cung ứng, giá cước vận tải tăng cao nhưng vẫn phải đảm bảo đủ hàng hóa cho thị trường xuất khẩu, cơ cấu tài sản trong năm 2021 đã có những sự thay đổi khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 56,62% lên mức 79%. Tuy nhiên, với bản chất là các hợp đồng xuất khẩu đều được chốt trước khoảng 3 tháng, BTGD cho rằng rủi ro từ hàng tồn kho vẫn luôn giữ ở mức an toàn.

Kết quả hoạt động			
Chỉ tiêu	2020	2021	Thay đổi
Doanh thu thuần	11,559,675	28,206,149	144.0%
Giá vốn hàng bán	(10,690,465)	(23,913,544)	123.7%
Lợi nhuận gộp	869,210	4,292,605	393.9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	317,182	2,550,937	704.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khấu hao	693,438	2,930,156	322.6%
Lợi nhuận sau thuế	295,267	2,225,568	653.7%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	181,999,868	218,398,568	20.0%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,622	10,190	528.2%

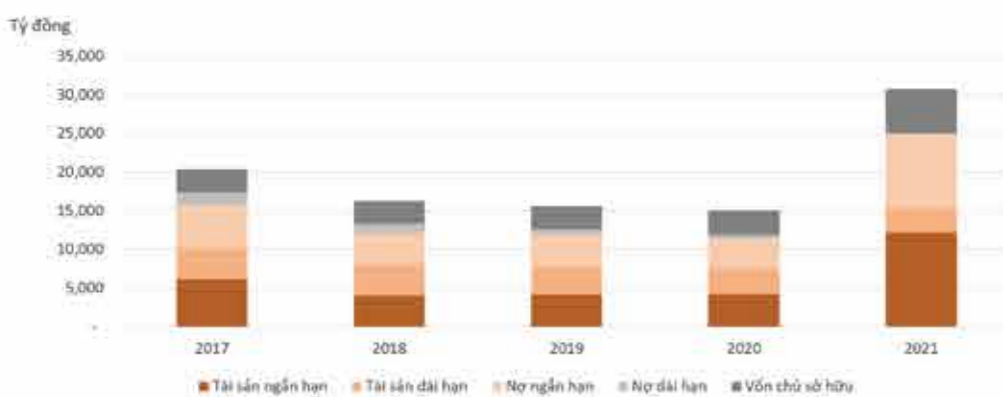


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ NỢ

Trong năm 2021, BTGD tiếp tục thực hiện định hướng tái cấu trúc tài chính, trong đó giảm nợ vay dài hạn là ưu tiên hàng đầu. Cho đến hết năm 2021, nợ vay dài hạn của Tôn Nam Kim chỉ còn 57 tỷ đồng. Nợ vay ngắn hạn đạt 3,733 tỷ đồng và cơ cấu cho phù hợp với nguồn vốn lưu động của Tôn Nam Kim. Tuy nhiên, nợ ròng của Tôn Nam Kim đã giảm xuống 1,869 tỷ đồng (so với mức 2,194 tỷ đồng năm 2020). Do đó, chi phí lãi vay của Tôn Nam Kim trong năm 2021 chỉ ở mức 244 tỷ đồng. Năm 2021 tỷ lệ chi phí lãi vay/lợi nhuận gộp đã giảm xuống mức 5.7% từ mức 25.6% trong năm 2020. Đây thực sự là niềm tự hào của BTGD khi chỉ trong vòng 3 năm bắt đầu tái cơ cấu (2018 – 2021), Tôn Nam Kim đã hoàn tất trả nợ dài hạn, sức khỏe tài chính vững mạnh. Hiện nay, chúng tôi khiêm tốn nhận rằng Tôn Nam Kim đang là một trong những doanh nghiệp có mức điểm tín dụng tốt nhất trong mắt của các tổ chức ngân hàng về sức khỏe tài chính.

Giá trị vốn chủ sở hữu cuối năm 2021 của Tôn Nam Kim đạt 5,723 tỷ đồng, tăng 80% so với năm 2020 với phần lợi nhuận giữ lại chưa phân phối chiếm 46% vốn chủ sở hữu. Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu NKG theo đó cũng đạt VND 25,102/cổ phiếu, tăng 56% so với năm ngoái.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TRONG NĂM 2021

Dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ và sâu sắc lên nền kinh tế, xã hội toàn cầu. Một mặt, dịch bệnh khiến cho sản xuất đình trệ, kinh tế khủng hoảng, hàng loạt lĩnh vực sản xuất kinh doanh lâm vào cảnh khó khăn, người lao động thất nghiệp. Mặt khác, dịch bệnh đã làm thay đổi căn bản môi trường kinh doanh, mở ra một "trạng thái bình thường mới" với những quy tắc về giãn cách xã hội, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và mở ra những cơ hội mới khi dịch bệnh được kiểm chế.

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức phải đối mặt cũng như tiềm năng, cơ hội cần nắm bắt trong bối cảnh mới, Ban Tổng Giám đốc Tôn Nam Kim đã, đang và sẽ kiên định, khẩn trương thực hiện những giải pháp sau:

GIA TĂNG NĂNG LỰC NỘI TẠI CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ:

Tiếp tục xây dựng và cải tiến quy trình dựa trên sự thành công của hệ thống quản trị toán điện ERP – SAP S/4 HANA từ năm 2020. Ngoài ra, trong năm 2021 Tôn Nam Kim đã áp dụng thành công những cải tiến kỹ thuật để sản xuất những sản phẩm chất lượng có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu thị trường đặc biệt là thị trường Mỹ, Châu Âu, Úc. Hiện nay, toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp được hệ thống hóa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, tức thời. Chi phí sản xuất, bán hàng, luân chuyển hàng tồn kho, vật tư nguyên liệu được truy vết từ đầu vào đến đầu ra. Các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên số liệu được phân tích cập nhật tức thời. Chính sách quản lý hàng tồn kho hợp lý, kiểm soát rủi ro biến động giá trong mỗi giai đoạn được tuân thủ triệt để nhằm giảm thiểu tình trạng giá nguyên vật liệu biến động ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh.

Mục tiêu năm 2022 BTGD đề ra là tiếp tục tối ưu hóa hoạt động sản xuất trên tinh thần "Kaizen – Cải tiến liên tục".



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CẢI THIỆN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, GIẢM GIÀ THÀNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cùng với việc ứng dụng hệ thống ERP, các quy trình vận hành sản xuất và kinh doanh được chuẩn hóa giúp thúc đẩy năng suất lao động và các định mức tiêu hao trong quá trình sản xuất được theo dõi tức thời. Toàn bộ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm và thành phẩm được quản lý, truy vết trên từng công đoạn. Chính vì vậy, chi phí sản xuất được kiểm soát chặt chẽ và chất lượng sản phẩm được cải thiện, đạt các tiêu chuẩn khắt khe một cách ổn định, thúc đẩy hoạt động bán hàng ở phân khúc chất lượng cao tại thị trường nội địa cũng như xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ.

ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA DOANH NGHIỆP CHO CBCNV

Trong năm 2022 và những năm sau, BTGD hiểu rằng cốt lõi cho sự thành công năm 2021 không thể thiếu sự đóng góp của CBCNV. Dịch Covid-19 chưa chấm dứt, cơn bão lạm phát tiếp tục hoành hành, BTGD thấu hiểu và đặt mục tiêu tăng cường các biện pháp bảo vệ sức khỏe CBCNV chính là bảo vệ doanh nghiệp.

Ngoài ra, chế độ đãi ngộ đi kèm với phát triển văn hóa cho từng CBCNV sẽ tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm cho quá trình xây dựng một gia đình Tôn Nam Kim, nơi mọi người đều là những giá trị riêng biệt.



PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG THỊ PHẦN

Hoạt động bán hàng xuất khẩu đang thuận lợi nhưng Tôn Nam Kim vẫn chú trọng xây dựng và phát triển thị trường nội địa, qua đó giữ vững thị phần trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh ngày càng mở rộng sản xuất, BTGD hiểu rằng việc **luôn giữ vững và liên tục gia tăng thị trường nội địa chính là sự bảo hiểm chắc chắn nhất cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp**.

Trong năm 2021 theo báo cáo của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), thị phần của Tôn Nam Kim ở mảng tôn mạ không những giữ vững ở vị trí thứ 2 toàn ngành mà thị phần còn tiếp tục tăng lên mức 17.4% (so với 16.8%). Trong năm 2022, BTGD quyết tâm giữ vững thành quả, song song với việc gia tăng các khách hàng mới và mở rộng độ phủ lên các thị trường mới như, phối hợp với các đối tác công nghệ để sản xuất những dòng sản phẩm mới mang tính đột phá trên thị trường.

Ở mảng xuất khẩu, Tôn Nam Kim chú trọng mục tiêu các sản phẩm phải thâm nhập được vào các thị trường có giá trị cao như Châu Âu, Bắc Mỹ và Úc. Trước diễn biến tăng mạnh nhu cầu từ Châu Âu, BTGD đặt mục tiêu đây là thời cơ vàng để Tôn Nam Kim thâm nhập thị trường và khẳng định giá trị thương hiệu Công ty tôn mạ chất lượng hàng đầu Đông Nam Á.



Thị phần mảng tôn mạ năm 2021



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2022

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Tiếp bước thành công của năm 2021, Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBCNV Tôn Nam Kim quyết tâm đoàn kết, nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Hội đồng quản trị giao phó với các chỉ tiêu sau:

TỔNG SẢN LƯỢNG	1,120,000 TẤN
TỔNG DOANH THU	28,000 TỶ VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ:	1,600 TỶ VND



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2022

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đề ra định hướng chiến lược “**NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHÁNG ĐỊNH VỊ THỂ**” với những giải pháp như sau:

Khai thác hiệu quả nhất nguồn lực hiện có, tối ưu hóa năng lực các dây chuyền sản xuất để hướng đến công suất trên 1,120 triệu tấn/năm, qua đó gia tăng năng suất, tiết giảm chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm, gia tăng năng lực cạnh tranh.

Đưa vào vận hành kho hàng tập trung cho thị trường nội địa và nhà máy ống thép hàn trên diện tích 5ha tại Bình Dương. Thông qua việc đầu tư này một số hoạt động phụ trợ, logistic, sản xuất ống thép được di dời ra khỏi nhà máy tôn mạ, tăng không gian cho hoạt động sản xuất, luân chuyển bán thành phẩm và thành phẩm trong nhà máy nhằm mục đích nâng cao công suất tối đa của các dây chuyền.

Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới hướng đến phân khúc chất lượng cao cho thị trường trong nước và quốc tế.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tập trung các thị trường Châu Âu, Bắc Mỹ và Australia với các dòng sản phẩm chất lượng cao.

Kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhất quán chính sách quản lý hàng tồn kho, xây dựng các kịch bản thị trường nguyên liệu nhằm kiểm soát rủi ro do biến động giá.

Xây dựng chính sách luân chuyển hàng tồn kho hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí tài chính và kiểm soát rủi ro.

Chú trọng quản lý sử dụng vốn và chi phí lãi vay hiệu quả.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng quản trị	67
Hoạt động của Hội đồng quản trị	69
Báo cáo của Ban kiểm soát	70
Quản trị rủi ro	73
Cổ phiếu NKG	77

NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2021, đại dịch Covid-19 phủ bóng đềm lên nền kinh tế Việt Nam, khiến cho sản xuất đình trệ, thất nghiệp gia tăng cũng như trực tiếp khiến cơn khát lao động gia tăng mạnh, đặc biệt ở khu vực phía Nam sau giãn cách xã hội. Tất cả các điều đó đã tác động mạnh mẽ lên ngành công nghiệp thép Việt Nam, vốn phụ thuộc rất lớn vào thị trường xây dựng nội địa.

GDP Việt Nam năm 2021 chỉ tăng 2.58%, thấp nhất từ khi đất nước bước vào giai đoạn Đổi mới 1986. Ngành xây dựng không nằm ngoài sự ảnh hưởng khi tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng năm 2021 chỉ đạt 5.1%, thấp nhất trong giai đoạn 2015 – 2021.

Dù vậy, nhờ vào sự phục hồi của giá HRC và dòng vốn đầu tư công được Chính phủ giải ngân mạnh mẽ cùng với nhu cầu gia tăng từ thị trường xuất khẩu, ngành thép Việt Nam đã trở thành ngôi sao sáng trong năm 2021 khi tổng sản lượng thép các loại đạt hơn 30.8 triệu tấn, tăng 32.5% so với cùng kỳ 2020. Trong đó sản lượng xuất khẩu đạt 6 triệu tấn, tăng 52.5% so với cùng kỳ với năm ngoái. Riêng máng tôn mạ đã chiếm hơn 45% tổng sản lượng thép xuất khẩu trong năm 2021.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Nắm bắt cơ hội từ thị trường xuất khẩu, Tôn Nam Kim đã ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm nay. Công ty đã thành công trong việc phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản xuất, kiểm soát chi phí và mang lại lợi nhuận. Năm 2021 là năm của những kỷ lục đối với Tôn Nam Kim, khi doanh thu tăng 144% so với năm ngoái, đạt 28,713 tỷ VND. Tổng sản lượng đạt 1,165 triệu tấn và lợi nhuận sau thuế đạt 2,225 tỷ VND, tăng lần lượt 65% và 654% so với năm 2020.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2021, Tôn Nam Kim tiêu thụ tổng cộng 703.843 tấn sản phẩm các loại. Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến đến từ Hàn Quốc, Đài Loan và Đức nhằm nâng cao năng suất.

Tính đến năm 2021, Công ty có 04 nhà máy sản xuất các sản phẩm tôn mạ, ống thép, với công suất sản xuất lên đến 1,2 triệu tấn/năm.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Tôn Nam Kim đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng;

Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch;

Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (đây đang là ưu thế của Công ty);

Tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới đạt chất lượng cao với mẫu mã bắt mắt;

Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu Tôn Nam Kim trên thị trường, giữ vững uy tín và vị thế trong ngành.

Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới ở cả thị trường quốc tế lẫn nội địa.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HDQT, các báo cáo bổ sung, các báo cáo tháng, các báo cáo bất thường về tình hình triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HDQT phê duyệt;

Trên cơ sở công tác giám sát, HDQT đã có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc triển khai, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh, thích ứng và điều chỉnh linh hoạt với diễn biến của thị trường; công tác quản trị được chú trọng, tiết giảm chi phí tài chính, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng; hoạt động xuất khẩu đã được tổ chức hiệu quả, đa dạng thị trường, giảm thiểu tối đa các rủi ro do chính sách phòng vệ thương mại, chống phá giá từ các thị trường xuất khẩu.

Tổng Giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản lý.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	% so với 2021
Tổng doanh thu	28,000 tỷ VND	0%
Lợi nhuận sau thuế	1,600 tỷ VND	-28%

Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP, ủy quyền cho HDQT lập phương án phát hành, sửa đổi Điều lệ sau khi tăng vốn. Nay đã phát hành xong, đã tăng vốn điều lệ và sửa Điều lệ với phần vốn tương ứng.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022 đến với những kỳ vọng về đại dịch Covid-19 chỉ còn là một căn bệnh thông thường. Tuy nhiên, những khó khăn về lạm phát, rủi ro về chiến tranh thương mại ngày càng gia tăng và liên tục cản trở sự phục hồi kinh tế. Ngoài ra, các ảnh hưởng chiến tranh tiếp tục đe dọa đến chuỗi cung ứng toàn cầu, ngành thép tiềm ẩn rủi ro khi giá nguyên liệu biến động liên tục. **Tuy nhiên, Hội đồng quản trị nhận thấy cơ hội sẽ luôn có nếu chúng ta không ngừng thay đổi.**

Hiện được điều đó, Hội đồng quản trị chủ động, tích cực thực hiện những định hướng chiến lược sau để có thể phát huy tối đa nội lực của Tôn Nam Kim, nắm bắt cơ hội hướng đến sự phát triển bền vững:

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm luân chuyển, của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty;

Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn vốn vay;

Cơ cấu, sắp xếp lại các nguồn lực;

Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả;

Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; Tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng.

Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Tôn Nam Kim;

Theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Số lần tham dự	Tỷ lệ
Ông Hồ Minh Quang	7/7	100%
Ông Võ Hoàng Vũ	7/7	100%
Ông Nguyễn Vinh An	7/7	100%
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	7/7	100%
Ông Võ Thời	7/7	100%
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	7/7	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2021/NQ-HĐQT	01/03/2021	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021
2	03/2021/NQ-HĐQT	01/03/2021	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
3	275A/2021/QĐ-HĐQT	29/03/2021	Thông qua việc nhận chuyển nhượng từ DAE MYUNG CHEMICAL CO., LTD
4	04/2021/NQ-HĐQT	14/05/2021	Thông qua việc thực hiện bán cổ phiếu quỹ
5	05/2021/NQ-HĐQT	02/06/2021	Thông qua việc điều chỉnh thực hiện bán cổ phiếu quỹ
6	06/2021/NQ-HĐQT	12/07/2021	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
7	07/2021/NQ-HĐQT	26/10/2021	Thông qua quy chế chi tiết phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và danh sách cán bộ nhân viên tham gia chương trình
8	08/2021/NQ-HĐQT	26/10/2021	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP
9	11/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021

Hội đồng quản trị (HĐQT) vẫn đảm bảo các cuộc họp thường kỳ trong năm 2021, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời. Hội đồng quản trị đã cùng nhau đưa ra những quyết định để tháo gỡ các khó khăn, thực hiện kế hoạch cũng như xây dựng chiến lược phát triển Công ty. Hội đồng quản trị luôn tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó cũng như giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Năm qua, các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập trung vào các nội dung sau:

- Xây dựng phương án kinh doanh, chủ động ứng phó kịp thời với các diễn biến thị trường, tập trung phát triển thành công mỗi nhọn của Công ty ở mảng thép;
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm tra quy trình sản xuất để giảm chi phí;
- Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục đi sâu vào các thị trường truyền thống và các thị trường có giá trị cao; đẩy mạnh tiếp cận các thị trường tiềm năng; tùy tình hình thị trường linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh;
- Thông qua phương án chia cổ tức và ESOP nhằm khích lệ những đóng góp của CBCNV;
- Ban Tổng Giám đốc đã theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường, có những giải pháp phù hợp với từng giai đoạn thị trường;
- Nâng cao chất lượng đời sống và đãi ngộ của CBCNV;
- Nâng cao vị thế trong và ngoài nước của Tôn Nam Kim;
- Ban Tổng Giám đốc đã theo sát tiến độ mở rộng nhà máy, phát huy tối đa hiệu quả trong sản xuất;

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị Công ty

Không có

**Trong năm 2021
HĐQT đã tổ chức 7
cuộc họp và ban
hành 9 nghị quyết/
quyết định**

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Tham gia các buổi họp của Ban Lãnh đạo Công ty về việc triển khai dự án, theo dõi tiến độ dự án, cũng như kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Giám sát tiến độ thực hiện các dự án.
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập Báo cáo tài chính đảm bảo (tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán).
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

Thành viên HĐQT	Số lần tham dự	Tỷ lệ tham gia	Tỷ lệ biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	4/4	100%	3/3
Bà Võ Thị Vui	4/4	100%	3/3
Ông Lê Nhật Tân	4/4	100%	3/3

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - năm 2022, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thông nhất các vấn đề sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.
- Thông nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

Các kiểm soát viên luôn nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính cũng như hiệu biện pháp luật của mình trong công tác giám sát.

Đã hoàn thành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021.

Các Kiểm soát viên đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, cử đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc giao cho các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu do ĐHĐCĐ giao.

Thực hiện theo quy định của Luật, BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán (ví dụ các khoản dự phòng, xác định lợi thế thương mại...)

Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch các bên liên quan.

Lược trích những số liệu cơ bản thực hiện trong năm 2021:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2021, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

Chi tiêu	Giá trị (VND)
Kết quả kinh doanh	
Doanh thu thuần:	28,173,402,236,226 (VND)
Tổng lợi nhuận trước thuế:	2,562,028,980,555 (VND)
Lợi nhuận sau thuế:	2,225,261,058,221 (VND)
Tài sản công ty	
Tổng tài sản:	15,397,915,366,296 (VND)
Tài sản ngắn hạn:	12,215,599,008,275 (VND)
Tài sản dài hạn:	3,182,316,358,021 (VND)
Vốn chủ sở hữu	
Số dư đầu năm (01/01/2021):	3,181,020,162,631 (VND)
Số dư cuối năm (01/01/2021):	5,723,203,694,545 (VND)



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt.

Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán.

Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng cường quản lý chi phí hoạt động theo kế hoạch đã đề ra.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của hoạt động Công ty.

2022



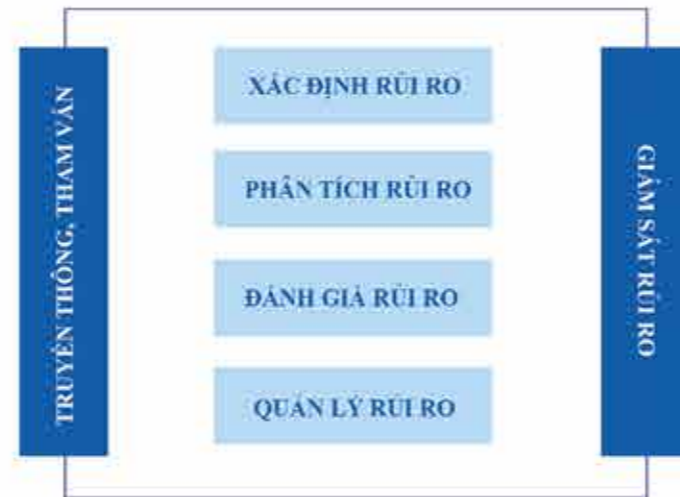
Quy trình quản trị rủi ro

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành thép với 17,4% thị phần tôn mạ và 5,4% thị phần ống thép. Với nền kinh tế mở và đang phát triển như Việt Nam, ngành sản xuất công nghiệp hiện đang đóng vai trò xương sống với tỷ trọng 35%/tổng GDP. Các sản phẩm của Tôn Nam Kim là có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình, ngành thép nội địa cũng như đóng góp ngân sách rất lớn cho nền kinh tế địa phương. Ngoài ra, sự lớn mạnh của Tôn Nam Kim còn tạo rất nhiều công việc cho dân địa phương, giúp ổn định an sinh xã hội. Có thể nói Tôn Nam Kim, với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và thương mại thép, sẽ luôn phải đối diện với những rủi ro đặc thù, thường trực, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát, chiến tranh và dịch bệnh.

Tiêu biểu trong quá khứ, ảnh hưởng về chính sách cũng như biến động giá nguyên liệu 2016 – 2018 đã khiến cho giá thép sụt giảm. Ngoài ra, chiến tranh thương mại giai đoạn 2017 – 2019 cũng khiến hàng rào thuế quan tăng được dựng lên trên khắp thế giới, qua đó khiến cho các công ty thép liên tục lừng chịu nhiều khó khăn về giá bán cũng như áp lực buộc phải giảm biên lợi nhuận. Ngành thép bản thân cũng là một ngành công nghiệp nặng, do đó các rủi ro về môi trường cũng rất lớn.

Chính vì thế, hoạt động quản trị rủi ro luôn được Tôn Nam Kim xem là một nhiệm vụ chiến lược ưu tiên hàng đầu. Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác dự báo thị trường nguyên liệu đầu vào, nhu cầu đầu ra thị trường trong nước và quốc tế để đề ra những chính sách thích ứng nhanh chóng. Ngoài ra, toàn bộ hoạt động quản trị điều hành của doanh nghiệp được vận hành theo hệ thống ERP SAPHana được xây dựng từ năm 2020, ngày càng hoàn thiện giúp mọi hoạt động được ghi nhận nhanh chóng, dữ liệu được phân tích kịp thời giúp công tác lập kế hoạch và ra quyết định chính xác nhất.

Rủi ro được phân loại theo hướng dẫn của tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ. Tiêu chí "xác suất" và "tác động" được đo lường theo mức độ tăng dần trên thang điểm từ 1 đến 5



Nhận diện rủi ro	Phân tích rủi ro	Đánh giá rủi ro		Quản lý rủi ro
		Tác động	Xác suất	
RỦI RO CHIẾN LƯỢC				
Rủi ro vĩ mô	Đặc kỹ rủi ro nào ở cấp độ vĩ mô ảnh hưởng tới kinh tế, chính trị, xã hội, cũng có khả năng ảnh hưởng sâu sắc tới các cá nhân/ tổ chức kinh tế, bao gồm NKKG.	5	1	Liên tục theo dõi, giám sát những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Phân tích, đánh giá các kịch bản biến động của các nhân tố vĩ mô để có quyết định phù hợp.
Rủi ro định hướng chiến lược	Chiến lược của NKKG có thể chưa phù hợp với môi trường thực tiễn. Thay đổi giá lượng thực - thực phẩm có thể ảnh hưởng đến chiến lược phát triển.	5	1	Liên tục theo dõi, giám sát các mục tiêu, kế hoạch, định hướng chiến lược và thực hiện các thay đổi kịp thời. Có những kế hoạch dự phòng dự phòng cho mọi rủi ro.
Rủi ro cạnh tranh	NKKG có thể suy yếu hoặc đánh mất lợi thế cạnh tranh của chính mình. Các nhà bán lẻ có thể gây sức ép và giảm biên lợi nhuận của sản phẩm.	4	3	Thường xuyên theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh. Chủ động khảo sát, nghiên cứu công cụ thị trường. Dự trữ và phát triển lợi thế cạnh tranh nội tại, cải thiện chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo đảm giữ vững và mở rộng thị phần.
Rủi ro truyền thông	NKKG có thể không nắm bắt, xử lý kịp thời và hợp lý các thông tin tiêu cực xuất hiện bên ngoài doanh nghiệp.	2	2	Liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài NKKG và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp. Thực hiện tốt hoạt động PR, IR. Duy trì quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông.
RỦI RO HOẠT ĐỘNG				
Rủi ro nguyên vật liệu	Sự thiếu hụt của nguyên vật liệu đầu vào có thể làm giảm được hoạt động kinh doanh của NKKG. Biến động giá, biến động giá HRC cũng tác động lớn đến doanh nghiệp.	5	3	Quan lý hiện qua hàng tồn kho. Đảm bảo kế hoạch cụ thể với nhà cung cấp về nhu cầu và mức giá ổn định. Tập trung ưu thế năng lượng mặt trời song song nhằm giảm giá vốn nhà có thể.
Rủi ro chất lượng	Sau phẩm của NKKG có thể không bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất hoặc do nguyên liệu đầu vào kém chất lượng.	3	1	Chẩn soát và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng.
Rủi ro biến động giá thành phẩm	Giá bán các sản phẩm của NKKG thường xuyên biến động, phụ thuộc vào thị trường hàng hóa trên toàn cầu.	5	3	Kiểm soát chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Sử dụng các hợp đồng mua bán để biến động giá.
Rủi ro an toàn lao động	Nhân viên của NKKG, đặc biệt là nhân viên làm việc tại nhà máy, đối diện với nguy cơ chấn thương, tai nạn lao động.	2	1	Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động. Thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện cho nhân viên về an toàn lao động.
Rủi ro thời tiết	Hệ thống công nghệ thông tin của NKKG có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	2	1	Theo dõi, giám sát về hiệu quả, tiến độ thực thi các kế hoạch kinh doanh để có các biện pháp ứng phó kịp thời.
Rủi ro công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin của NKKG có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	1	1	Duy trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, bảo mật.

Nhận diện rủi ro	Phân tích rủi ro	Đánh giá rủi ro		Quản lý rủi ro
		Tác động	Xác suất	
RỦI RO TÀI CHÍNH				
Rủi ro lãi suất	Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của NKKG.	5	3	Theo dõi biến động của lãi suất, lập kế hoạch đồng tiêu, thanh toán nợ. Đảm bảo giữ, giám thị mới cho vay với các bậc cấp tin dùng. Tập trung hưởng lợi của băng các chi số thanh toán, giảm đơn tỷ lệ chi trả, giảm nợ.
Rủi ro tín dụng thương mại	NKKG có thể gặp khó khăn trong việc thu hồi tín dụng thương mại từ các đối tác.	2	1	Giám sát chặt chẽ các khoản tín dụng thương mại. Tích cực đưa đơn thu hồi nợ đến hạn. Xem xét các nguy cơ tiềm ẩn có thể xảy ra trước khi quyết định. Yêu cầu khách hàng mở LC khi chấp thuận.
RỦI RO TUÂN THỰC				
Rủi ro pháp lý	NKKG chịu sự điều chỉnh của bộ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, tài chính, Bảo vệ môi trường và các luật khác. NKKG có chính sách đồng bộ hệ thống không pháp lý của Thủ tướng chính phủ Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy NKKG cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này. Ngoài không pháp lý chung, Hiệp NKKG còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như Quy định về bảo vệ môi trường.	3	1	NKKG có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo vào giúp NKKG hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật.
Rủi ro môi trường	Chấn môi là người công nghiệp được nhiều quốc gia theo dõi. NKKG thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ các chính quyền tại các thị trường xuất khẩu áp các hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá...)	4	2	Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các điều kiện, quy định và tìm kiếm tại các thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, đảm bảo với các bên liên quan để ban chế, xử lý khi bị áp dụng những quy định và thuế quan chưa được dự báo trước. Tổn an an ninh và chi phí sản xuất. Luôn cập nhật về tình hình thế giới, phân tích thị trường trong nước nhằm ban chế rủi ro ở thị trường xuất khẩu.
Rủi ro thuế quan	Hoạt động sản xuất tiếp của NKKG có nguy cơ phát sinh các loại thuế tài, ảnh hưởng đến một trường.	3	2	Thập NKKG luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Đảm bảo hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn quốc gia.

MỨC THUẾ CHỐNG PHÁ GIÁ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔN MẠ XUẤT KHẨU TỪ VIỆT NAM ĐẾN MỘT SỐ QUỐC GIA

STT	QUỐC GIA	VỤ VIỆC	MẶT HÀNG	TÔN NAM KIM	HOA SEN	TÔN DỒNG A	MỨC THUẾ CAO NHẤT/ DN KHÁC	NGÀY HIỆU LỰC	NGÀY HẾT HẠN	
1	MALAYSIA	AD	PPGI/PPGL	0%	34.85%	34.85%	Khác: 34.85%	19/01/2016	Điều tra rà soát cuối kỳ, tiếp tục áp thuế đến 2025	
2	THAILAND	AD	GL/PPGL/PPGI	GL: 6.47% PPGI/PPGL: 4.3%	GL: 7.94% PPGI: 8.63%	GL: 40.49% PPGI: 60.26%	GL: 40.49% PPGL: 60.26%	01/03/2017	Còn hiệu lực, DFT đang tiến hành rà soát cuối kỳ	
3	AUSTRALIA	AD/CVD	GI	0%	0%	14.20%	Khác: 14.20%	16/08/2017	Còn hiệu lực	
4	INDONESIA	AD	PPGL/PPGL Slitting	Áp thuế rất cao nhưng sau đó hủy-bỏ						Chậm dứt áp thuế
5	MALAYSIA	AD	GI	2.66%	0%	15.69%	Khác: 15.69%	08/03/2019	Còn hiệu lực	
6	THAILAND	AD	GI PIPE	9.24%	9.24%	51.81%	Khác: 51.81%	13/02/2020	Còn hiệu lực	
7	USA	Anti-circumvention (AC)	CORE	- Không bị đặt cọc do Hợp tác trả lời đầy đủ bản câu hỏi của DOC; - Nam Kim sẽ không bị điều tra chống lẩn tránh thuế 5 năm từ ngày phán quyết cuối cùng có hiệu lực	Buộc đặt cọc với mức 456.23% đối với tôn mạ từ các doanh nghiệp Việt Nam không đủ điều kiện tham gia quy trình chứng nhận theo phán quyết của DOC. ĐÃ ĐƯỢC BỎ MỨC ĐẶT CỌC, PHẢI TRẢ LỜI BẢNG CÂU HỎI HÀNG NĂM	Buộc đặt cọc với mức 456.23% đối với tôn mạ từ các doanh nghiệp Việt Nam không đủ điều kiện tham gia quy trình chứng nhận theo phán quyết của DOC. ĐÃ ĐƯỢC BỎ MỨC ĐẶT CỌC, PHẢI TRẢ LỜI BẢNG CÂU HỎI HÀNG NĂM	Buộc đặt cọc với mức 456.23% đối với tôn mạ từ các doanh nghiệp Việt Nam không đủ điều kiện tham gia quy trình chứng nhận theo phán quyết của DOC.	19/12/2019	Còn hiệu lực	
8	INDIA	AD	GL	81.3USD/MT	46.87USD/MT	23.63USD/MT	173.1USD/MT	23/06/2020	Chậm dứt áp thuế	
9	INDONESIA	AD	GL	13%	0.05	0.03	Khác: 55.43%	11/02/2021 (5 năm)	Chậm dứt áp thuế	
10	CANADA	AD	GI, GL (Slitting) PPGI/PPGL (COR)	AD 2.3% + CVD 0.0%	AD 11.0% + CVD 0.0%	AD 16.2% + CVD 0.00%	Khác: AD 91.8% + CVD 0.2% = total 91.8%	16/10/2020	Còn hiệu lực	
11	MALAYSIA	AD	GL, GL (Slitting)	5.04%	16.55%	15.97%	Khác: 37.14%	12/12/2020 - 11/12/2025	Còn hiệu lực	
12	AUSTRALIA	AD + CVD	GL Slitting 558	-9.7% (không có thuế)	8.1%	20.9%	Khác: 20.9% Kết quả sơ bộ subsidy margin Tất cả: N/A	24/12/2021	Còn hiệu lực	
13	AUSTRALIA	AD + CVD	GL Slitting 559	-7.2% (không có thuế)	9.3%	12.5%	Khác: 13.2% Kết quả sơ bộ subsidy margin: 1. Uncooperative Chinese exporters: 20.8% 2. Uncooperative Vietnamese exporters: 0.2%	15/11/2021	Còn hiệu lực, kết quả của Nam Kim là tốt nhất trong tất cả Doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài	





EPS 2021
VND 10,419/cp

Cổ phiếu tạo đỉnh cao mới
VND 55,700/cp

Giá trị giao dịch trung bình
71.6 tỷ đồng

Vốn hóa thị trường
8,501,695 Triệu VND

Số lượng cổ phiếu lưu hành
219,398,568

Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu
26,090 vnd

HOẠT ĐỘNG IR



Ton Nam Kim báo đảm việc minh bạch thông tin đến mọi cổ đông, nhà đầu tư. Công ty luôn chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và bất kỳ thông tin bất thường quan trọng khác thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại www.tonnamkim.com, website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.

THƯỜNG XUYẾN TIẾP XÚC, TRAO ĐỔI, LẮNG NGHE CỔ ĐÔNG

Ban lãnh đạo Ton Nam Kim luôn cố gắng duy trì sự tương tác thường xuyên, mức tiếp xúc đối với láng giềng và kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại và email nhằm góp cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình hoạt động, triển vọng phát triển của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ VỀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Email: congbothongtin@tonnamkimgroup.vn

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	28,159,249	12.83%	-
2	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	7,812,000	3.56%	-
3	Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	271,497	0.12%	-
4	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	-	-	-
5	Vũ Thiên	Thành viên HĐQT	-	-	-
6	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	67,181	0.31%	Từ nhiệm kể từ ngày 15/12/2021

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	7,812,000	3.56%	-
2	Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc	271,497	0.12%	-
3	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	258,714	0.10%	-
4	Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám đốc	105,746	0.05%	-
5	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc	373,357	0.17%	-
6	Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	50,600	0.02%	-

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	8,000	0.004%	-
2	Vũ Thị Vư	Thành viên BKS	38,600	0.018%	-
3	Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	4,000	0.002%	-

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Hồ Minh Quang	28,159,249	12.83%
UNICOH SPECIALTY CHEMICALS CO., LTD	11,040,000	5.03%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-
Cổ đông nước ngoài	248	18,851,800	8.59%
- Tổ chức	31	18,353,921	8.37%
+ Cá nhân	217	497,879	0.23%
Cổ đông trong nước	26,518	200,546,768	91.41%
- Tổ chức	72	14,184,261	6.47%
+ Cá nhân	26,446	186,362,507	84.94%
TỔNG CỘNG	26,766	219,398,568	100.00%

SỐ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH 219,398,568

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRONG KỶ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu giao dịch	Loại giao dịch
1	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc	1,000,000	Bán
2	Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	400,000	Bán
3	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	250,000	Bán
4	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15,000,000	Bán
5	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc	60,000	Mua ESOP
6	Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	90,000	Mua ESOP
7	Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám đốc	90,000	Mua ESOP
8	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	90,000	Mua ESOP
9	Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	40,000	Mua ESOP
10	Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	8,000	Mua ESOP
11	Vũ Thị Vư	Thành viên BKS	5,000	Mua ESOP
12	Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	4,000	Mua ESOP

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững	81
Tối ưu hiệu quả kinh tế	82
Củng cố phát triển nguồn nhân lực	84
Bảo vệ môi trường thiên nhiên	87
Đồng hành với cộng đồng, xã hội	88



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XANH



TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Củng cố, phát triển nguồn nhân lực

Tôn Nam Kim xác định “con người là yếu tố Cốt lõi”, là chìa khóa then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.



Tối ưu hiệu quả kinh tế

Không chỉ là trách nhiệm đem lại giá trị kinh tế cao nhất cho cổ đông, tối ưu hiệu quả kinh tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là nền tảng cho quá trình phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

Đồng hành với cộng đồng, xã hội

Phụng sự cộng đồng xã hội không chỉ là trách nhiệm cao cả mà còn là vinh dự to lớn của Tôn Nam Kim thông qua những hoạt động ý nghĩa, đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

Bảo vệ môi trường xung quanh

Nhận thức rõ vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Tôn Nam Kim nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng tái nguyên giảm thiểu tác động lên môi trường tự nhiên.

TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NỀN TẢNG HƯỚNG ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Thấu hiểu điều đó, Tôn Nam Kim luôn nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước.

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm “Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền”, Tôn Nam Kim luôn hoạt động với mục tiêu vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư.

Năm 2020 và 2021 kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thép nói riêng đã trải qua những khó khăn, thách thức chưa từng thấy do tác động của dịch COVID-19.

Tuy nhiên, Tôn Nam Kim đã có những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, phát huy những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhờ đó đã không chỉ bảo vệ được tài sản của cổ đông mà còn gia tăng giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư với kết quả kinh doanh ấn tượng.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Cải tiến chất lượng không ngừng là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.



Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, Tôn Nam Kim luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.



TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

CÙNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI

Sau gần 20 năm hình thành và phát triển, Tôn Nam Kim đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, là "thương hiệu quốc gia" uy tín với hệ thống nhà máy hiện đại và thị phần cao. Nguồn nội lực vô cùng to lớn này chính là nền móng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty trong tương lai.

Vì thế, "củng cố năng lực nội tại" được Công ty xem là nhiệm vụ trọng yếu, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2020 - 2022 với những định hướng cụ thể như sau:

Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;

Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;

Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Mỹ và Châu Âu.

CHÚ TRỌNG R&D - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Hoạt động R&D là vô cùng quan trọng, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc cho Tôn Nam Kim trong thị trường cạnh tranh khốc liệt. Năm 2021, Tôn Nam Kim R&D thành công sản phẩm tôn mạ lạnh có độ mạ cao, dòng sản phẩm tôn mạ lạnh AZ250 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 50 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao.

Những thành công trong hoạt động R&D này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Tôn Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Đứng với tinh thần "cải tiến chất lượng không ngừng", việc bảo đảm hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố được Tôn Nam Kim chú trọng. Mọi sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên dây chuyền, máy móc tiên tiến hiện đại nhất với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Năm 2021, Phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417). Chứng chỉ này là sự công nhận phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim có đầy đủ năng lực về kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, có khả năng cung cấp các kết quả thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao. Kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm được thừa nhận rộng rãi toàn cầu trong hệ thống ILAC - Tổ chức Hợp tác Công nhận PTN Quốc tế, như A2LA (Mỹ), SAC-SINGLAS (Singapore), NATA (Úc), v.v... thừa nhận.

Công ty cũng triển khai áp dụng nhiều sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế, điển hình là hệ thống quản trị ERP SAP S/4 HANA.

CÙNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố bảo đảm nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức.

Nhận thức được nguyên lý này, Tôn Nam Kim đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp riêng, song tất cả các vị trí công việc đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp, thái độ đạo đức tốt vì mục tiêu đơn vị/ Công ty, có tinh chuyên nghiệp trong công việc và tính kỷ luật cao.

Tôn Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Các lao động nữ được tạo điều kiện làm việc, phát triển năng lực và thăng chức như lao động nam.

CƠ CẤU NHÂN VIÊN NĂM 2021

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động		
Trình độ Cao Đại học và trên Đại học	259	17.85%
Trình độ Cao đẳng trung cấp chuyên nghiệp	430	29.63%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	76	5.24%
Lao động phổ thông	686	47.28%
Theo hợp đồng lao động		
Toàn thời gian	1,451	100.00%
Theo giới tính		
Nam	1,337	92.14%
Nữ	114	7.86%
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN	1,451	

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc khai thác tốt, quản trị hiệu quả nguồn lực này là một vấn đề quan trọng trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động quản trị nguồn nhân lực phải tạo điều kiện để con người phát huy hết khả năng tiềm ẩn, giảm lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả của tổ chức. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí nhằm bảo đảm đáp ứng đúng, đủ nhu cầu nhân sự.

Công ty cũng luôn chú trọng cải tiến chính sách nhân sự nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự, giữ chân người tài... Năng lực của cấp quản lý trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực được bảo đảm. Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp của Tôn Nam Kim có chuyên môn sâu, gắn bó lâu dài và luôn với tinh thần "Quản trị chuẩn mực. Kiểm soát trách nhiệm, Điều hành chuyên nghiệp. Đào tạo tận tâm".



CÙNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tôn Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Đào tạo trong công việc liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ Cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Tôn Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu.

Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn vệ sinh lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Tôn Nam Kim đã chủ động nghiêm túc thực thi các biện pháp phòng chống dịch. Trách nhiệm của Công ty không chỉ là phải bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người lao động mà còn là góp phần hạn chế sự lây lan của dịch bệnh trong cộng đồng, xã hội.



CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm thu hút và giữ chân những người tài năng nhất, giảm tình trạng vắng mặt, giảm tình trạng làm việc khi bị ốm và tăng sự gắn kết của nhân viên, Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tham gia chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động.



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Tôn Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua theo tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng khen thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức tặng quà Tết bằng hiện vật và hiện kim cho toàn bộ đoàn viên Công ty.



CÙNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Tôn Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc của từng cá nhân và của tập thể từng đơn vị. Đồng thời, nhằm ghi nhận và thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để chi thêm lương bổ sung cho Người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng Cá nhân xuất sắc và Tập thể xuất sắc.



Hiện tại, Tôn Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho CBCNV gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý theo hiệu quả công việc,
- Chính sách khen thưởng năm dành cho cá nhân và tập thể theo hiệu quả công việc,
- Chính sách khen thưởng ngày lễ tết, ngày thành lập Công ty...
- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc),
- Chính sách khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng và giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HDQT hoặc Ban Tổng giám đốc giao phó,
- Chính sách khen thưởng cổ phần ESOP,
- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm Tiền lương thời gian, Tiền lương sản phẩm, Hỗ trợ nhà ở, sức khỏe, đi lại... Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo pháp luật Lao động: BHXH, BHYT, BHTN,
- Chế độ suất ăn giữa ca,
- Chế độ bảo hiểm tai nạn 24h hoàn toàn miễn phí dành cho toàn bộ Người lao động,
- Dây chuyền công nghệ sản xuất của Nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề,
- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc.





BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Tôn Nam Kim không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững. Công ty luôn có các hoạt động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh, sạch.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CHUNG

Sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nhằm tiết kiệm nhiên liệu và giảm hao phí nguyên vật liệu. Nghiên cứu cải tiến hệ thống, định kỳ bảo trì hệ thống trong quá trình sản xuất, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh các giải pháp về máy móc, Công ty kết hợp với yếu tố con người bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân

sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Tôn Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung về môi trường.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Thực hiện nghiêm ngặt công tác bảo quản nguyên vật liệu, xử lý chất thải nhà máy sản xuất.

Không chế khí thải dưới ngưỡng tiêu chuẩn xả thải theo quy định của nhà nước, tái sử dụng nước sau hệ thống xử lý nước thải cho quá trình rửa nguyên liệu

Lắp đặt hệ thống tái sinh axit thải, đầu vào của hệ thống tái sinh là axit thải ra từ dây chuyền tẩy rỉ.

Sản phẩm của hệ thống là axit HCL 18% được cung cấp ngược lại làm nguyên vật liệu cho quá trình tẩy rỉ tại dây chuyền tẩy rỉ.

Tôn Nam Kim thực thi tiết kiệm sử dụng giấy, in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt. Công ty đã triển khai Báo cáo Phát triển bền vững và các tài liệu, báo cáo khác bằng bản mềm trên thiết bị điện tử, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí giấy.

SẢN XUẤT XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim đầu tư dây chuyền tái sinh acid hiện đại của SMS - CHLB Đức. Do vậy, toàn bộ hoạt động tại các Nhà máy của Công ty không phát sinh acid thải. Đồng thời, thông qua dây chuyền tái sinh, toàn bộ mạt gỉ thép được thu hồi đạt chuẩn sản phẩm và được cung cấp cho doanh nghiệp khác tái sử dụng trong luyện thép hoặc các ngành công nghiệp khác, thay vì là dạng chất thải tái xử lý.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước về môi trường, thường xuyên liên tục cập nhật các quy định pháp luật mới về hoạt động môi trường.

Trong năm, Công ty không có bất kỳ hoạt động vi phạm nào về pháp luật môi trường.



ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

TẠO CÔNG AN VIỆC LÀM, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẤT NƯỚC

Sự phát triển, thịnh vượng của Tôn Nam Kim phải gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tạo việc làm ổn định cho gần 1.500 con người. Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 2021, Tôn Nam Kim đã nộp ngân sách tổng cộng **1,128 tỷ VND**, là một trong vài doanh nghiệp có doanh thu và nộp ngân sách nhà nước cao nhất Tỉnh Bình Dương, đóng góp một phần vào phát triển kinh tế của Tỉnh và đất nước.

NỘP NGÂN SÁCH NĂM 2021

1,128 tỷ VND

TẠO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH CHO

1,451 Người



LUÔN SONG HÀNH CÙNG HẠNH PHÚC CỘNG ĐỒNG

Một xã hội ổn định và thịnh vượng là nền tảng cho nền kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn xem trọng trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty luôn sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng những hành động thiết thực.

- Hỗ trợ, giúp đỡ cho các hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các gia đình và cá nhân có cơ hội vươn lên;
- Cùng với những doanh nghiệp khác tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống;
- Chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của Công ty trong lòng Người tiêu dùng.





ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



**TĂNG TRƯỞNG TRONG THỬ THÁCH -
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ NGƯỜI TIÊN PHONG**



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
• thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
• lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán dùng dẫn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÉ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Trương Phước Lộc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4173-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11615
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Table with columns: Mã số, TÀI SẢN, Thuyết minh, and columns for Tai ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND and 2020 VND. Rows include TÀI SẢN NGÂN HẠN, Tiền và các khoản tương đương tiền, Đầu tư tài chính ngắn hạn, Các khoản phải thu ngắn hạn, Hàng tồn kho, and Tài sản ngắn hạn khác.

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.182.316.358.021	3.270.828.788.280
210	Các khoản phải thu dài hạn		6.500.000	3.470.966.092
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	6.500.000	3.470.966.092
220	Tài sản cố định		2.770.700.940.771	3.126.532.591.606
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	2.529.816.436.046	2.726.909.254.185
222	Nguyên giá		4.830.028.692.167	4.637.592.539.327
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.300.212.256.121)	(1.910.683.285.142)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	-	150.636.097.026
225	Nguyên giá		-	169.433.832.365
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(18.797.735.339)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	240.884.504.725	248.987.240.395
228	Nguyên giá		279.429.712.657	279.429.712.657
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(38.545.207.932)	(30.442.472.262)
240	Tài sản dở dang dài hạn		176.006.903.074	58.575.728.261
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	176.006.903.074	58.575.728.261
250	Đầu tư tài chính dài hạn		8.180.000.000	23.180.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(b)	8.180.000.000	23.180.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		227.422.014.176	59.069.502.321
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	208.796.145.623	59.069.502.321
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		18.625.868.553	-
270	TỔNG TÀI SẢN		15.397.915.366.296	7.763.093.325.248

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		9.674.711.671.751	4.582.073.162.617
310	Nợ ngắn hạn		9.698.192.512.183	4.097.976.896.372
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.879.071.761.786	1.070.443.509.756
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	582.661.815.270	346.218.920.151
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	189.812.745.137	51.056.523.851
314	Phải trả người lao động		44.325.771.984	40.385.309.272
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	67.789.915.665	27.812.146.715
319	Phải trả ngắn hạn khác		12.636.345.899	1.017.428.026
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	3.773.154.733.117	2.520.048.120.256
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	48.739.423.325	40.994.937.345
330	Nợ dài hạn		76.519.159.568	484.096.267.245
337	Phải trả dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	46.499.351.598	482.405.018.648
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		29.119.807.970	791.248.597
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.723.203.694.545	3.181.020.162.631
410	Vốn chủ sở hữu		6.723.203.694.545	3.181.020.162.631
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	2.183.985.680.000	1.819.998.680.000
411a	- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.183.985.680.000	1.819.998.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	785.907.272.279	766.255.590.000
415	Cổ phiếu quỹ	20	-	(76.043.577.721)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	74.567.904.963	59.804.428.330
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20	42.586.677.857	36.681.287.204
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	2.636.156.159.446	576.323.754.818
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		416.450.646.225	332.654.182.550
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		2.219.705.513.221	243.669.572.268
440	TỔNG NGUỒN VỐN		15.397.915.366.296	7.763.093.325.248

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lậpVũ Thị Huyền
Kế toán trưởngVõ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.206.149.855.751	11.613.991.092.807
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(32.747.619.525)	(54.316.572.647)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.173.402.236.226	11.559.674.520.160
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(23.903.545.311.978)	(10.690.464.691.531)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.269.856.924.248	869.209.828.629
21	Doanh thu hoạt động tài chính	199.218.435.888	89.088.183.360
22	Chi phí tài chính	(397.468.220.790)	(281.258.215.062)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(243.685.237.356)	(222.154.457.661)
25	Chi phí bán hàng	(1.397.951.232.015)	(267.948.758.419)
29	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(122.720.788.853)	(91.908.570.848)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.550.937.118.458	317.182.449.660
31	Thu nhập khác	10.744.953.120	3.795.441.330
32	Chi phí khác	346.908.979	(165.774.826)
40	Lợi nhuận khác	11.091.662.099	3.629.666.504
60	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.562.028.980.555	320.812.116.164
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(356.682.935.566)	(25.567.009.597)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	19.915.013.232	14.426.101
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.225.261.058.221	295.269.532.668
61	Phân bổ cho: Cổ đông của Công ty	2.225.261.058.221	295.269.532.668
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.419	1.345
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.419	1.345

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lậpVũ Thị Huyền
Kế toán trưởngVõ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2.562.028.980.555	320.812.116.164
02	Lợi nhuận kế toán trước thuế		
03	Điều chỉnh cho các khoản:		
04	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	378.833.971.310	376.255.520.548
05	Các khoản dự phòng	423.636.211.434	400.000.000
06	Điều chỉnh lịch tỷ giá hối đoái đo lường giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20.359.041.207	1.368.014.070
07	Lãi từ hoạt động đầu tư	(15.154.020.441)	(27.090.757.323)
08	Chi phí lãi vay	243.085.237.350	222.154.457.661
09	Các khoản điều chỉnh khác	-	12.367.783.377
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.613.589.421.421	606.257.134.497
11	Tăng các khoản phải thu (lãng/gảm hàng tồn kho)	(1.224.705.151.592)	(497.986.322.468)
12	Tăng (giảm) các khoản phải trả	(6.330.081.482.983)	218.291.327.280
13	Giảm chi phí trả trước	4.111.566.190.228	(394.729.139.948)
14	Tiền lãi vay đã trả	18.014.174.917	28.517.400.640
15	Thuế TNDN đã nộp	(230.893.378.600)	(228.102.720.920)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(256.631.985.625)	(6.700.590.076)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(9.621.840.327)	(9.609.990.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(308.274.050.581)	15.577.095.111
21	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
22	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(145.068.081.288)	(54.273.792.939)
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(135.600.000.000)	(157.965.478.452)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	87.100.000.000	529.363.404.931
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	(138.420.000.000)	-
26	Tiền thu lãi tiền gửi và trái phiếu	23.241.845.719	28.614.073.831
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(308.744.235.569)	345.738.206.371
31	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
32	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	334.288.800.000	-
33	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(78.043.577.721)
34	Tiền thu từ đi vay	21.070.601.285.868	11.058.457.061.598
35	Tiền chi trả nợ gốc vay	(20.208.184.257.647)	(11.105.449.521.984)
36	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(46.713.324.647)	(21.559.995.995)
37	Tiền cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	-	(51.599.960.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.140.992.513.574	(218.195.994.503)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	532.974.227.444	143.119.306.979
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	219.161.716.845	76.042.177.746
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(690.000.234)	232.120
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	751.445.944.055	219.161.716.845

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 32.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lậpVũ Thị Huyền
Kế toán trưởngVõ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh gần nhất lần thứ 27 ngày 15 tháng 2 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là NKG vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- ☒ Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn;
- ☒ Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm;
- ☒ Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại;
- ☒ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính); và
- ☒ Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 3 công ty con và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

Tên công ty/đơn vị trực thuộc	Địa chỉ đăng ký hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			2021	2020
Công ty con				
Công ty TNHH Một Thành Viên Ông thép Nam Kim	Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ông thép Nam Kim Chu Lai	Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	100%
Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam (Thuyết minh 3)	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất giấy, bột giấy, bìa giấy.	100%	0%
Chi nhánh				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (*)	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam			

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị thông qua quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần thép Nam Kim tại Bình Dương. Theo đó, Công ty đã đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động kể từ ngày 2 tháng 3 năm 2022.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 1.451 nhân viên (31 tháng 12 năm 2020: 1.485 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thực hành kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng"). Tập đoàn xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- ☒ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- ☒ Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 25 năm
Phương tiện vận tải	6 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
TSCĐ khác	10 – 40 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 năm đến 45 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Thuê tài sản**

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- ☒ Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- ☒ Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.14 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng và công ty tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phân ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phân ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1/1/2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1/1/2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

LNST chưa phản phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(c) Quỹ khác

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2.20 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- ☒ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ☒ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- ☒ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ☒ Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ☒ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)**

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- ☒ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ☒ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ☒ Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- ☒ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.26 Thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế tại thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sắp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ☒ Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và 11); và
- ☒ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.8, 2.15, 2.16, 2.17, 8 và 15).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2021, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam với tổng giá phí là 138.420.000.000 đồng.

Việc hợp nhất kinh doanh này ảnh hưởng đến tài sản thuần của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND

Tài sản	2021 VND	2020 VND
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10)	167.418.208.282	
Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ	620.372.352	
Khác	292.901	

168.038.873.535

Nợ phải trả	2021 VND	2020 VND
Khác	29.617.704.052	
	1.169.483	

29.618.873.535

Tài sản thuần

138.420.000.000

Lợi thế thương mại

-

Tiền thuần chỉ ra

138.420.000.000

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	780.774.638	2.125.944.499
Tiền gửi ngân hàng	670.173.387.697	43.345.772.346
Các khoản tương đương tiền (*)	80.491.781.720	173.690.000.000
	751.445.944.055	219.161.716.845

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 3,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 3%/năm đến 3,3%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	9.353.178	34.651.400	9.353.178	44.738.600

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
(i) Ngân hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	447.704.193.436	447.704.193.436	369.517.049.419	369.517.049.419
(ii) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu (**)	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000
	8.180.000.000	8.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 3,7% đến 6,5%/năm).

(**) Số dư này thể hiện trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại ở Việt Nam và hưởng lãi suất 7,30%/năm.

6 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	1.493.179.266.213	1.218.090.460.560

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khách hàng nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 6.259.456.761 đồng và 2.758.351.426 đồng đã được lập dự phòng toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng		
Giá trị Đại Dương	253.734.664.190	164.778.814.382
Khác	97.978.563.474	40.018.034.956
	351.713.227.664	204.796.849.338

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngân hạn	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và trái phiếu	-	8.087.825.278
Tạm ứng	46.530.842.303	7.026.143.389
Kỳ quỹ, kỳ cước	14.423.987.280	-
Phải thu khác	2.113.640.780	2.297.539.174
	63.068.470.363	17.411.507.841

(b) Dài hạn	2021 VND	2020 VND
Kỳ quỹ, kỳ cước	6.500.000	3.470.966.092

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

9 HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.976.427.593.059	(167.553.679.899)	272.612.429.608	-
Nguyên vật liệu	2.286.841.441.738	(252.781.426.200)	254.149.822.410	-
Công cụ, dụng cụ	224.977.494.966	-	178.268.516.915	-
Thành phẩm	3.979.607.350.708	-	1.666.007.063.883	-
Hàng hóa	21.055.922	-	39.346.425	-
Hàng gửi đi bán	233.783.725.829	-	-	-
	8.701.658.662.222	(420.335.106.099)	2.371.077.179.239	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngân hạn	2021 VND	2020 VND
Công cụ, dụng cụ	13.452.941.905	7.719.873.340
Khác	70.447.667	1.493.540.169
	13.523.389.572	9.213.413.509

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	9.213.413.509	26.321.912.877
Tăng	23.171.922.493	28.746.100.179
Phân bổ	(18.861.946.430)	(45.854.599.547)
Số dư cuối năm	13.523.389.572	9.213.413.509

(b) Dài hạn	2021 VND	2020 VND
Quyền sử dụng đất	164.605.799.026	-
Công cụ, dụng cụ	31.236.728.007	43.793.331.212
Chi phí quảng cáo	6.264.643.215	3.390.891.475
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	6.688.975.375	11.484.896.003
Khác	-	400.383.631
	208.796.145.623	59.069.502.321

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	59.069.502.321	70.478.409.601
Tăng	26.435.328.555	27.196.120.202
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 3)	167.418.208.282	-
Phân bổ	(44.126.893.565)	(38.605.027.482)
Số dư cuối năm	208.796.145.623	59.069.502.321

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	707.966.849.535	3.660.181.925.087	253.118.422.469	15.599.588.756	725.753.480	4.637.592.539.327
Mua trong kỳ	-	17.793.422.969	1.275.000.000	-	-	19.068.422.969
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	2.880.717.506	880.000.000	173.180.000	-	3.933.897.506
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh 11(b))	-	169.433.832.365	-	-	-	169.433.832.365
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>707.966.849.535</u>	<u>3.850.289.897.927</u>	<u>255.273.422.469</u>	<u>15.772.768.756</u>	<u>725.753.480</u>	<u>4.830.028.692.167</u>
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	253.064.909.040	1.557.540.145.253	92.851.218.360	6.824.209.143	402.803.346	1.910.683.285.142
Khấu hao trong năm	46.823.813.479	298.035.993.141	18.444.892.094	1.727.440.325	50.242.963	365.082.382.002
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh 11(b))	-	24.446.588.977	-	-	-	24.446.588.977
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>299.888.722.519</u>	<u>1.880.022.727.371</u>	<u>111.296.110.454</u>	<u>8.551.649.468</u>	<u>453.046.309</u>	<u>2.300.212.256.121</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	454.901.940.495	2.102.641.779.834	160.267.204.109	8.775.379.613	322.950.134	2.726.909.254.185
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>408.078.127.016</u>	<u>1.970.267.170.556</u>	<u>143.977.312.015</u>	<u>7.221.119.288</u>	<u>272.707.171</u>	<u>2.529.816.436.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 2.530 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.727 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 16,69 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 11,6 tỷ đồng).

(b) TSCĐ thuê tài chính

Máy móc thiết bị
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	169.433.832.365
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(169.433.832.365)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	18.797.735.339
Khấu hao trong năm	5.648.853.638
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(24.446.588.977)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	150.636.097.026
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

Quyền sử dụng đất
VND

Phần mềm
vi tính
VND

Tổng cộng
VND

Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2021	269.452.694.657	9.977.018.000	279.429.712.657
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	29.440.198.009	1.002.274.25	30.442.472.262
Khấu hao trong năm	6.596.008.083	1.506.727.58	8.102.735.670
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>36.036.206.092</u>	<u>2.509.001.84</u>	<u>38.545.207.932</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	240.012.496.648	8.974.743.74	248.987.240.395
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>233.416.488.565</u>	<u>7.468.016.16</u>	<u>240.884.504.725</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 17).			
Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 135.600.000 đồng.			
12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG		2021 VND	2020 VND
Dự án nhà máy thép	96.639.683.148		45.276.310.909
Dự án mở rộng nhà máy thép Nam Kim Long An	69.539.299.866		-
Mua sắm	9.827.920.060		13.299.417.352
		<u>176.006.903.074</u>	<u>58.575.728.261</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	58.575.728.261	49.070.606.991
Mua sắm, xây dựng cơ bản	125.997.658.319	52.580.424.528
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(3.933.897.506)	(20.947.343.881)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(c))	-	(9.770.176.000)
Khác	(4.632.586.000)	(12.357.783.377)
Số dư cuối năm	176.006.903.074	58.575.728.261

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021		2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	2.233.121.269.885	2.233.121.269.885	220.915.339.715	220.915.339.715
Win Faith Trading Limited	602.258.359.888	602.258.359.888	159.461.824.896	159.461.824.896
Khác	2.043.692.132.013	2.043.692.132.013	690.066.345.145	690.066.345.145
	4.879.071.761.786	4.879.071.761.786	1.070.443.509.756	1.070.443.509.756

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Australian Steel	64.017.284.250	-
Asbestos Y Aceros	57.938.827.173	9.478.265.250
Khác	460.705.703.847	336.740.654.901
	582.661.815.270	346.218.920.151

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí vận chuyển	35.921.902.820	9.329.977.497
Chi phí lãi vay	13.446.082.244	654.221.488
Chi phí quảng cáo	5.451.885.000	1.744.875.000
Chi phí điện sản xuất	11.803.816.100	13.548.831.400
Khác	1.366.229.501	2.534.241.330
	67.789.915.665	27.812.146.715

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021			Số đã thực nộp/phải thu trong kỳ VND	Khác VND	Tại ngày 31.12.2021	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp/cán trừ trong kỳ VND			Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT được khấu trừ	85.745.358.467	-	3.309.623.686.713	4.043.149.020.328	620.372.352	819.891.064.434	-
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	-	1.101.409.860.791	1.101.409.860.791	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	31.432.237.406	934.734.158.979	897.663.068.675	-	-	68.503.327.710
Thuế xuất, nhập khẩu	-	43.882.158	4.433.532.318	3.423.651.543	-	-	1.053.762.933
Thuế TNDN	-	16.929.682.093	356.682.935.566	255.631.985.625	-	-	117.980.632.034
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.650.722.194	10.111.366.126	10.720.965.780	-	-	2.041.122.540
Các loại thuế khác	-	-	872.673.802	638.773.882	-	-	233.899.920
	85.745.358.467	51.056.523.851	5.717.868.214.295	6.312.637.326.624	620.372.352	819.891.064.434	189.812.745.137

17 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Đánh giá lại cuối kỳ VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng (*)	2.498.488.124.260	21.070.601.295.868	(20.103.644.056.844)	306.212.137.596	1.497.232.237	3.773.154.733.117
Nợ thuế tài chính	21.559.995.996	-	(32.339.993.994)	10.779.997.998	-	-
	2.520.048.120.256	21.070.601.295.868	(20.135.984.050.838)	316.992.135.594	1.497.232.237	3.773.154.733.117

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Ngân hàng	Giá trị (VND)	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	120.518.743.173	USD	Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2022	Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; và cổ phiếu
	2.090.592.903.697	VND	Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2022	
Nợ dài hạn đến hạn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	77.500.000.000	VND	Tháng 11 năm 2022	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	220.472.908.197	USD	Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2022	Phương tiện vận tải, truyền dẫn - quản lý; máy móc thiết bị - sản xuất; hợp đồng tiền gửi; trái phiếu; và hàng tồn kho luân chuyển
	158.282.551.172	VND	Tháng 6 năm 2022	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	175.613.525.192	USD	Tháng 3 năm 2022	Máy móc thiết bị; hợp đồng tiền gửi; và hàng tồn kho luân chuyển
	136.580.929.284	VND	Từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2022	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	-	USD	Tháng 2 năm 2022	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	189.217.425.812	VND	Tháng 2 năm 2022	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	113.506.464.085	VND	Từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2022	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	100.000.000.000	VND	Tháng 5 năm 2022	Tin chấp và hợp đồng tiền gửi
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	68.880.000.000	USD	Tháng 4 năm 2022	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	190.081.150.545	VND	Từ tháng 2 năm 2022 đến tháng 5 năm 2022	Hàng tồn kho; và hợp đồng tiền gửi
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	131.908.131.960	VND	Tháng 2 năm 2022	Tin chấp
	<u>3.773.154.733.117</u>			

Lãi suất cho các khoản nợ dài hạn đến hạn trả VND từ 8,6%/năm đến 8,8%/năm. Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn VND và USD lần lượt từ 4,5%/năm đến 4,8%/năm và từ 2%/năm đến 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng (*)	457.251.689.997	(104.540.200.803)	(306.212.137.596)	46.499.351.598
Nợ thuê tài chính	25.153.328.651	(14.373.330.653)	(10.779.997.998)	-
	<u>482.405.018.648</u>	<u>(118.913.531.456)</u>	<u>(316.992.135.594)</u>	<u>46.499.351.598</u>

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Ngân hàng	Giá trị (VND)	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	46.499.351.598	VND	Tháng 3 năm 2023	Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải; và dụng cụ quản lý
	<u>46.499.351.598</u>			

Lãi suất cho các khoản vay dài hạn từ 8,6%/năm đến 8,8%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	40.994.937.345	49.484.915.911
Trích quỹ (Thuyết minh 20)	8.858.085.980	1.420.011.434
Chi quỹ	(1.113.600.000)	(9.909.990.000)
Số dư cuối năm	48.739.423.325	40.994.937.345

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2021	2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký	218.398.568	181.999.868
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	218.398.568	181.999.868
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	(10.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	218.398.568	171.999.868

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Hồ Minh Quang	28.159.249	12,89	23.466.044	12,89
Unicoh Specialty Chemical Co., Ltd	11.040.000	5,05	12.600.000	6,92
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại SMC	10.920.000	5,00	9.100.000	5,00
Ông Võ Hoàng Vũ	7.812.000	3,58	19.010.000	10,45
Bà Nguyễn Thị Nhân	6.270.300	2,87	7.368.585	4,05
Bà Phạm Thị Thu Yến	6.207.300	2,84	-	-
Ông Trương Quốc Huy	3.610.600	1,65	7.264.165	3,99
Các cổ đông khác	144.379.119	66,12	93.191.074	51,21
Cổ phiếu quỹ	-	-	10.000.000	5,49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	218.398.568	100,00	181.999.868	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	181.999.868	1.819.998.680.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	181.999.868	1.819.998.680.000
Cổ phiếu mới phát hành	36.398.700	363.987.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	218.398.568	2.183.985.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.819.998.680.000	766.255.590.000	38.504.256.821	35.734.612.915	-	356.321.039.782	3.016.814.179.518
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	295.269.532.668	295.269.532.668
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	(78.043.577.721)	-	(78.043.577.721)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(51.599.960.400)	(51.599.960.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.420.011.434)	(1.420.011.434)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.300.171.509	-	-	(21.300.171.509)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	946.674.289	-	(946.674.289)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.819.998.680.000	766.255.590.000	59.804.428.330	36.681.287.204	(78.043.577.721)	576.323.754.818	3.181.020.162.631
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.225.261.058.221	2.225.261.058.221
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	256.245.222.279	-	-	78.043.577.721	-	334.288.800.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	363.987.000.000	(236.593.540.000)	-	-	-	(127.393.460.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (**)	-	-	-	-	-	(8.858.085.980)	(8.858.085.980)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	14.763.476.633	-	-	(14.763.476.633)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	5.905.390.653	-	(5.905.390.653)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.508.240.327)	(8.508.240.327)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.183.985.680.000	785.907.272.279	74.567.904.963	42.586.677.857	-	2.636.156.159.446	5.723.203.694.545

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tái phát hành cổ phiếu quỹ với số lượng 10.000.000 cổ phần. Theo đó, Công ty đã tái phát hành toàn bộ 10.000.000 cổ phiếu quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021, Tập đoàn đã trích lập quỹ dự trữ, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển thuộc vốn chủ sở hữu lần lượt theo tỷ lệ 2%, 5% và 3% từ LNST chưa phân phối năm 2020. Đồng thời, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua quyết định chi trả cổ tức cuối năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7% từ LNST chưa phân phối và thưởng cổ phiếu với tỷ lệ 13% từ thặng dư vốn cổ phần.

21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thường phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2021	2020 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	2.225.261.058.221	295.269.532.668
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(8.858.085.980)
	<u>2.225.261.058.221</u>	<u>286.411.446.688</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	213.558.012	212.929.949
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>10.419</u>	<u>1.345</u>

(*) Công ty và các công ty con không có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 đã được tính lại dựa trên số trích quỹ khen thưởng phúc lợi đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021.

	2020		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	295.269.532.668	-	295.269.532.668
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(8.858.085.980)	(8.858.085.980)
	<u>295.269.532.668</u>	<u>(8.858.085.980)</u>	<u>286.411.446.688</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	176.593.576	36.336.373	212.929.949
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.672</u>		<u>1.345</u>

21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34.

(b) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 25.729.723,13 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 716.608,05 Đô la Mỹ).

23 DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	27.684.016.072.738	11.598.722.551.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ	522.133.783.013	15.268.541.331
	<u>28.206.149.855.751</u>	<u>11.613.991.092.807</u>

Các khoản giảm trừ

Chiết khấu thương mại	(23.263.689.075)	(28.333.656.064)
Giảm giá hàng bán	(997.097.194)	(4.683.908.665)
Hàng bán bị trả lại	(8.486.833.258)	(21.299.007.918)
	<u>(32.747.619.525)</u>	<u>(54.316.572.647)</u>

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần về bán thành phẩm	27.651.268.453.213	11.544.405.978.829
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	522.133.783.013	15.268.541.331
	<u>28.173.402.236.226</u>	<u>11.559.674.520.160</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	23.481.651.863.301	10.681.607.682.473
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.558.342.578	8.857.009.058
Dự phòng hàng tồn kho	420.335.106.099	-
	<u>23.903.545.311.978</u>	<u>10.690.464.691.531</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và trái phiếu	15.154.020.441	27.090.757.323
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	183.991.980.618	59.600.960.577
Doanh thu hoạt động tài chính khác	72.434.807	2.396.445.460
	<u>199.218.435.866</u>	<u>89.088.163.360</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	243.685.237.356	222.154.457.661
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	133.371.508.917	57.345.696.286
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	20.359.041.207	1.368.014.070
Khác	50.433.310	390.047.045
	<u>397.466.220.790</u>	<u>281.258.215.062</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí vận chuyển	1.326.107.827.787	222.857.994.097
Chi phí nhân viên	32.841.841.374	19.086.067.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.489.244.051	3.596.286.510
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.757.519.600	18.790.663.306
Khác	2.754.799.203	3.617.745.388
	<u>1.397.951.232.015</u>	<u>267.948.756.419</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	52.152.530.643	42.121.352.623
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.360.102.257	9.568.055.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.531.321.535	36.608.640.826
Dự phòng phải thu khó đòi	4.570.838.108	-
Khác	7.105.996.310	3.610.522.113
	<u>122.720.788.853</u>	<u>91.908.570.848</u>

29 THUẾ TNDN

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế cho phần đầu tư mở rộng như sau:

(a) Đối với dự án nhà máy thép Nam Kim 3:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ dự án.

(b) Đối với Công ty TNHH Một Thành viên Ông thép Nam Kim ("Công ty Ông thép"):

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ công ty này.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

29 THUẾ TNDN (tiếp theo)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.562.028.980.555	320.812.116.164
Thuế tính ở thuế suất 20%	512.405.796.111	64.162.423.233
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	230.561.013	154.029.782
Lỗ từ dự án nhà máy thép đã được sử dụng	-	(24.305.193.370)
Ưu đãi thuế	(175.938.110.454)	(14.479.354.463)
Lỗ từ dự án nhà máy thép và công ty con mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	69.675.664	10.678.314
Chi phí thuế TNDN	336.767.922.334	25.542.583.496
Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	356.682.935.566 (19.915.013.232)	25.557.009.597 (14.426.101)
Thuế TNDN - hiện hành (*)		
Thuế TNDN - hoãn lại	336.767.922.334	25.542.583.496

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.241.307.769.575	11.015.687.792.814
Chi phí khấu hao TSCĐ	378.833.971.310	376.255.520.548
Chi phí nhân viên	331.821.183.553	266.561.269.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.975.796.574.959	685.298.379.960
Khác	43.841.846.103	5.019.034.577
	27.971.601.345.500	12.348.821.997.558

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu. Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, TSCĐ, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

	2021 VND	2020 VND
Xuất khẩu	19.200.454.891.908	4.739.549.068.859
Trong nước	8.972.947.344.318	8.820.125.451.301
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.173.402.236.228	11.559.674.520.160

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	2021 VND	2020 VND
Vay theo khế ước thông thường	21.070.601.295.868	11.098.457.061.598

(b) Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong kỳ

	2021 VND	2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	20.208.184.257.647	11.165.449.521.984

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
i) Hoạt động khác		
Thu tiền từ Ông Hồ Minh Quang	6.000.000.000	-

(ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	2021 VND	2020 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	15.671.378.368	8.912.101.235

Trong đó:

	2021 VND	2020 VND
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị:		
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch	300.000.000	120.000.000
Ông Võ Hoàng Vũ - Thành viên	200.000.000	30.495.000
Ông Nguyễn Vinh An - Thành viên	140.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi - Thành viên	140.000.000	30.495.000
Ông Võ Thời - Thành viên	140.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân - Thành viên	140.000.000	-
Ông Phạm Mạnh Hùng (đến ngày 1.9.2019) - Thành viên	-	40.055.000
Bà Trần Uyên Nhân (đến ngày 29.6.2019) - Thành viên	-	29.505.000
Ông Lương Thanh Bình (đến ngày 29.6.2019) - Thành viên	-	29.505.000

Lương và các quyền lợi gộp khác cho các nhân sự quản lý chủ chốt:

	2021 VND	2020 VND
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch	2.352.943.424	2.056.316.187
Ông Võ Hoàng Vũ - Tổng giám đốc	2.050.187.268	1.797.696.125
Ông Quảng Trọng Lãng - Phó Tổng Giám Đốc	1.582.989.038	768.365.128
Ông Nguyễn Vinh An - Phó Tổng Giám Đốc	1.616.830.884	909.085.436
Bà Trần Ngọc Diệu - Phó Tổng Giám Đốc	1.467.017.424	920.855.669
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Phó Tổng Giám Đốc	5.541.410.330	2.099.727.690
	15.671.378.368	8.912.101.235

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	30.000.000.000	6.000.000.000
Ông Võ Hoàng Vũ - Tổng giám đốc	15.000.000.000	-
	45.000.000.000	6.000.000.000

34 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Trong vòng 1 năm	225.116.559	900.466.236
Trên 1 năm đến 5 năm	-	225.116.559
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	225.116.559	1.125.582.795

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Bình Dương, Ngày 11 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám Đốc



VÕ HOÀNG VŨ

